

Số: ~~47.2~~/CV-ACBS.23

TP Hồ Chí Minh, ngày ~~17~~ tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**
  - Mã chứng khoán:
  - Địa chỉ trụ sở chính: *Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP Hồ Chí Minh*
  - Điện thoại: (028) 7300 7000
  - Fax: (028) 7300 3751
  - Người thực hiện công bố thông tin: *Đỗ Thị Ngọc Hạnh*  
Chức vụ: Trưởng Phòng Kiểm soát Nội bộ
- Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/03/2023 tại đường dẫn: <http://acbs.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Đại diện tổ chức**  
Người UQ CBTT



**Đỗ Thị Ngọc Hạnh**



The logo for ACBS, consisting of the letters 'ACBS' in a bold, white, sans-serif font. The letter 'C' is stylized with a yellow dot in its center. The logo is positioned in the upper right quadrant of the image, above the main title.

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury

117 Nguyễn Đình Chiểu

Phường Võ Thị Sáu, Quận 3

Tel: 1900 5555 33

[www.acbs.com.vn](http://www.acbs.com.vn)



# MỤC LỤC

## PHẦN 1: VỀ ACBS

1.1	Thông tin khái quát	1
1.2	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
1.3	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
1.4	Định hướng phát triển	7
1.5	Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh	11

## PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

2.1	Tình hình hoạt động kinh doanh	13
2.2	Tổ chức và nhân sự	14
a)	Thông tin Hội đồng Thành viên (HĐTV)	15
b)	Ban Tổng giám đốc	16
c)	Những thay đổi trong ban điều hành	16
d)	Số lượng cán bộ, nhân viên	16
e)	Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động	16
2.3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	18
a)	Các khoản đầu tư lớn	18
b)	Các công ty con, công ty liên kết	18
2.4	Tình hình tài chính	19
a)	Tình hình tài chính	19
b)	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	19
2.5	Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	20
2.6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	20

## PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3.1	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	20
3.2	Tình hình tài chính	21
a)	Tình hình tài sản	21
b)	Tình hình nợ phải trả	21
3.3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	22
3.4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	22
3.5	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	23

3.6	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	
a)	Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường	23
b)	Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động	23
c)	Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương	24

## PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

4.1	Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2022	24
4.2	Đánh giá của Hội đồng Thành viên về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	25
4.3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Thành viên	25

## PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1	Hội đồng Thành viên	27
a)	Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên	27
b)	Hoạt động của Hội đồng Thành viên	27
c)	Danh sách các thành viên Hội đồng Thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	27
5.2	Ban Kiểm soát	27
a)	Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát	27
b)	Hoạt động của Ban kiểm soát	27
5.3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	27
a)	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích	27
b)	Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	27

## PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.1	Ý kiến kiểm toán	27
6.2	Báo cáo tài chính	27

## PHẦN 7: KẾ HOẠCH 2023

7.1	Triển vọng thị trường 2023	28
7.2	Kế hoạch phát triển khối bán lẻ	29
7.3	Kế hoạch phát triển theo xu thế Chuyển đổi số trong 2023	30

# PHẦN 1 : VỀ ACBS

## 1.1.Thông tin khái quát

**Tên giao dịch:** Công ty TNHH Chứng khoán ACB

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 0302030508

**Vốn điều lệ:** 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng)

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng)

**Địa chỉ** : Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury  
117 Nguyễn Đình Chiểu  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh

**Số điện thoại** : (028) 7300 7000

**Số fax** : (028) 7300 3751

**Website** : <http://www.acbs.com.vn>

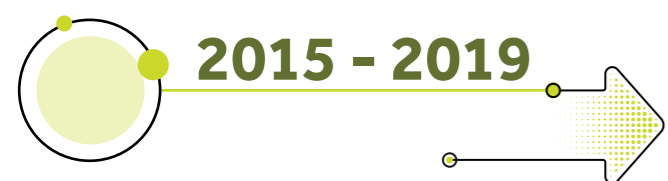


## HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 06/GPH&KD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29/06/2000. **Hội sở chính đặt tại: Lầu 3 – Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.** ACBS hoạt động với vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu hơn 4.000 tỷ đồng và tổng tài sản hơn 5.500 tỷ đồng.

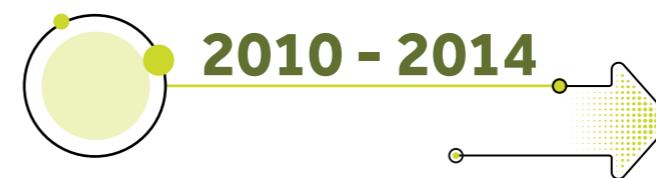


- Đánh dấu cột mốc 20 năm thành lập ACBS
- Thay đổi vốn điều lệ lần sáu (6) lên thành 3.000 tỷ đồng (Ba nghìn tỷ đồng)
- Ra mắt sản phẩm chứng quyền thành công rực rỡ với lượng đăng ký đặt mua đạt hơn 50% trong đợt IPO đầu tiên
- Ra mắt dịch vụ mở tài khoản chứng khoán trực tuyến S-eyes
- Nâng cấp hoàn toàn ứng dụng giao dịch qua điện thoại di động ACBS Smart với giao diện hiện đại và bắt kịp xu hướng
- 24/10/2022, ACBS chuyển đổi Trụ sở chính đến lầu 3 – Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM. Bắt đầu hành trình thay đổi nhận diện thương hiệu cho các chi nhánh ACBS



- Được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán tiêu biểu của Thị trường Chứng khoán Việt Nam
- Chính thức vận hành hệ thống giao dịch hiện đại, nhanh gọn, an toàn, bảo mật hơn

- Triển khai phần mềm giao dịch ACBS Trading cho các thiết bị điện tử sử dụng hệ điều hành iOS và Android
- Mở rộng các chi nhánh ACBS: phòng giao dịch Bà Cát, Đồng Nai, Mạc Đĩnh Chi 4, Trương Định 2 - 3 - 4, Cách Mạng Tháng 8, và dời chi nhánh Chợ Lớn về 321 -323 Trần Phú, Phường 8, Quận 5
- Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống nhận diện thương hiệu mới trên nền tảng cốt lõi “Đáng tin cậy – Thân thiện – Nhạy bén”
- Tổ chức Cuộc thi “TRADE PRO” dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế - tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn Tp. HCM
- ACBS được UBND Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh và trao tặng bằng khen do có hoạt động xuất sắc nhiều năm liền
- ACBS được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu
- Ra mắt chương trình Top Trader – Nhà đầu tư tài năng
- ACBS được vinh danh Top 10 công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu của HNX và HSX
- Là công ty chứng khoán thứ 11 trên thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh
- Ngày 20/5 ACBS ký thỏa thuận hợp tác với EFG Hermes



- Kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty Chứng khoán ACB
- Bắt kịp với sự chuyển mình trong thời đại công nghệ cũng như từng bước phát triển giá trị cốt lõi, ACBS chính thức cho ra mắt Dịch vụ giao dịch qua Tổng đài và nâng cấp thành công Phương thức bảo mật Chứng chỉ số USB Token cho các giao dịch qua Internet
- ACBS vinh hạnh được Tạp chí Asiamoney trao tặng nhiều danh

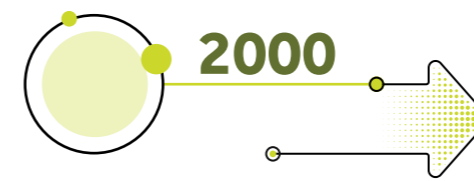


hiệu xuất sắc:

- ☉ Chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất;
- ☉ Thực hiện giao dịch tốt nhất;
- ☉ Tổ chức sự kiện và hội thảo tốt nhất;
- ☉ Tổ chức giới thiệu cơ hội đầu tư và gỡ gỡ doanh nghiệp tốt nhất;
- ☉ Chuyên viên môi giới xuất sắc nhất. Đứng hạng 3 về thị phần môi giới trên cả hai sàn HOSE và HNX
- ACBS chính thức triển khai giải pháp nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký nước ngoài. Đồng thời đứng hạng 3 về thị phần môi giới trên cả hai sàn HOSE và HNX
- 13/06/2014, ACBS chuyển đổi Trụ sở chính đến 41 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1, Tp. HCM
- Thay đổi giá trị cốt lõi: Chính trực – Hiệu quả - Hải hòa – Cần trọng – Cách tân



- ACBS trải qua 5 lần tăng vốn điều lệ lần lượt là 100 tỷ đồng, 250 tỷ đồng, 500 tỷ đồng, 1.000 tỷ đồng và 1.500 tỷ đồng
- ACBS trải qua 5 lần tăng vốn điều lệ lần lượt là 100 tỷ đồng, 250 tỷ đồng, 500 tỷ đồng, 1.000 tỷ đồng và 1.500 tỷ đồng
- Định vị thương hiệu với giá trị cốt lõi: An toàn – Chính xác – Bảo mật – Sáng tạo
- Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến, cho phép giao dịch qua Internet với phương thức bảo mật bằng Chứng chỉ số



- Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép hoạt động 06.UBCK – GPHĐKD cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu
- Vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng (Bốn mươi ba tỷ đồng)
- Trụ sở chính đặt tại 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3
- ACBS đi vào hoạt động cùng lúc với thị trường chứng khoán Việt Nam và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM. Từ ngày đầu hoạt động, ACBS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo luật định:
  - ☉ Môi giới chứng khoán;
  - ☉ Lưu ký chứng khoán;
  - ☉ Tự doanh chứng khoán;
  - ☉ Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
  - ☉ Quản lý danh mục đầu tư



# SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2022

Năm 2022, Công ty Chứng Khoán ACB chính thức chuyển về hoạt động tại địa điểm mới tầng 3, tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM. Với vị trí giao thông thuận lợi, Trụ sở mới ACBS kỳ vọng sẽ mang đến trải nghiệm tốt nhất đến doanh nghiệp và nhà đầu tư cá nhân tại khu vực này.

Không gian văn phòng Trụ sở chính của ACBS được xây dựng theo chủ đề “GREEN MOUNTAIN”, theo định hướng phát triển bền vững của Ngân hàng mẹ ACB cũng như ý thức và hành động bảo vệ môi trường – “Gắn lại O”. Thiết kế không gian văn phòng được lấy cảm hứng từ sự luân phiên thăng trầm của thị trường chứng khoán, nhưng vẫn hướng đến sự phát triển thịnh vượng về kinh tế và là một phần tất yếu trong việc bảo vệ môi trường xanh sạch bền vững.

Bên cạnh văn phòng được bao phủ bởi các sắc xanh thương hiệu của ACBS, khu vực giải lao và làm việc được thiết kế theo không gian mở hiện đại với nhằm nâng cao hiệu suất làm việc và đem lại hiệu quả cao.

ACBS khai trương Hội sở tại tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM



Văn phòng Hội sở của ACBS với chủ đề GREEN MOUNTAIN





**ACBS có tổng cộng 1 Hội sở tại TP.HCM và 11 chi nhánh/ phòng giao dịch trải dài từ Bắc – Trung – Nam bao gồm:**

Số 10 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số 15 Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Số 218 Bạch Đằng, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Số 80 Quang Trung, Phường Lộc Thọ, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa



## 1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty Chứng khoán ACB hoạt động với đầy đủ chức năng của một công ty chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Kinh doanh chứng khoán phái sinh;
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh;
- Phát hành chứng quyền có đảm bảo và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có đảm bảo;
- Dịch vụ Lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

- Hội Sở: Lầu 3, tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3;
- CN Trương Định: Số 107N Trương Định, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3;
- CN Mạc Đĩnh Chi: Số 41 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1;
- CN Cách Mạng Tháng 8: Số 197A-197B -197C-197/1 Cách Mạng Tháng Tám Phường 4, Quận 3;
- CN Chợ Lớn: Số 321-323 Trần Phú, Phường 8, Quận 5;
- PGD Nguyễn Thị Minh Khai: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3;

Số 111 Hoàng Hoa Thám (Lầu 2 Lô A3-A8), Phường 2, TP. Vũng Tàu

Số 17-19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Tân An, TP. Cần Thơ

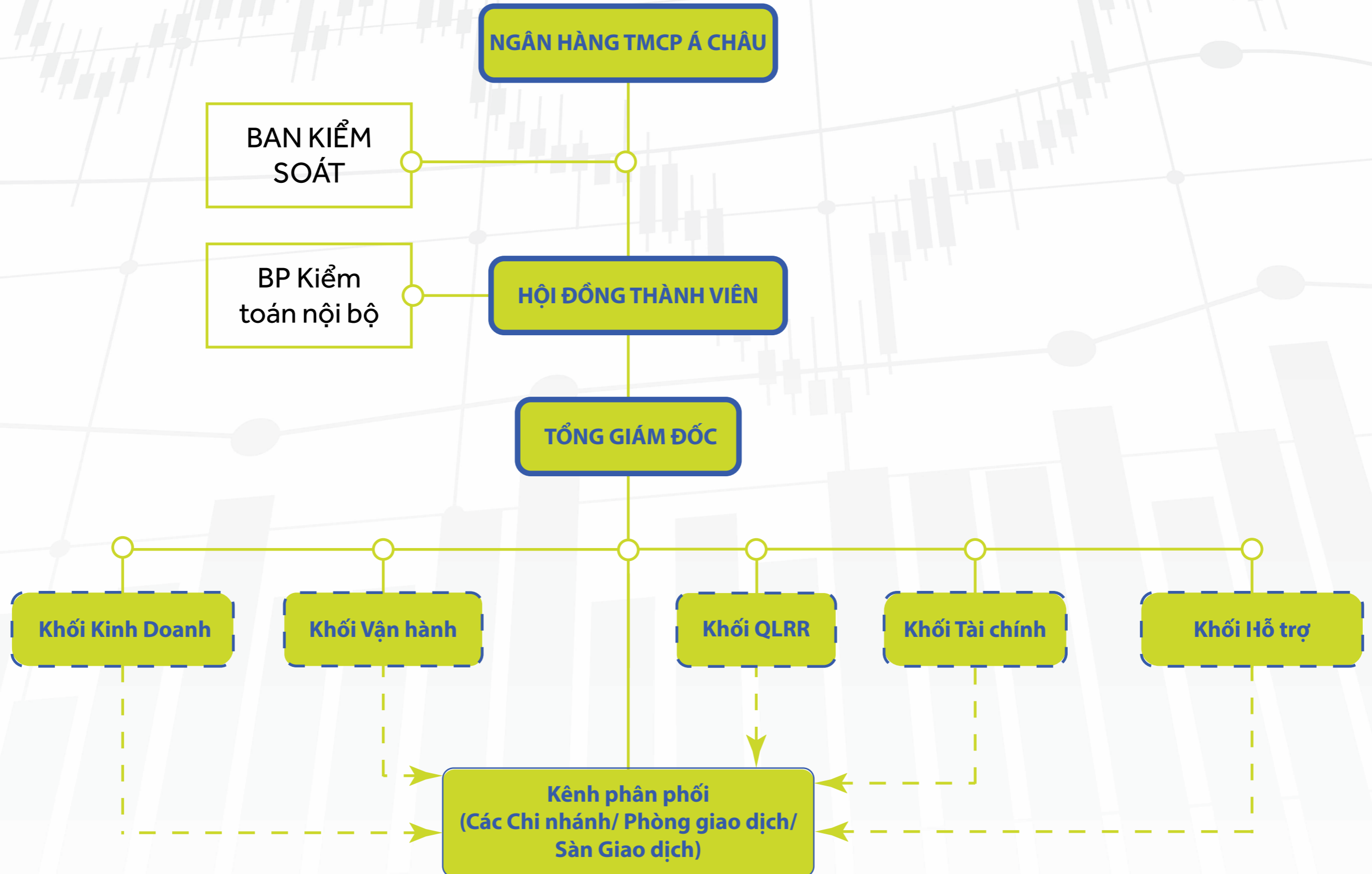


## 1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị:**

ACBS hoạt động với mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, với 100% vốn chủ sở hữu từ Ngân hàng TMCP Á Châu. Người đại diện pháp luật là Ông Đỗ Minh Toàn - Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**





### • Các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC), là công ty con với 100% vốn từ Công ty TNHH Chứng khoán ACB. ACBC được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008 với những chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Thành lập và quản lý các Quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quản lý các danh mục đầu tư cho các tổ chức và cá nhân;
- Huy động và quản lý các quỹ đầu tư nước ngoài có mục tiêu đầu tư vào Việt Nam;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

## 1.4. Định hướng phát triển

### • Các mục tiêu trọng yếu tại ACBS

Năm 2023, ACBS có kế hoạch đưa ra thị trường một số sản phẩm tài chính mới, nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu đa dạng không chỉ của nhà đầu tư hiện hữu mà còn thu hút các nhà đầu tư mới, và quan trọng là khẳng định lại vị thế của một trong những công ty thành lập cùng lúc với thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hạ tầng giao dịch và công nghệ thông tin là một phần không thể thiếu đối với một công ty chứng khoán hàng đầu. Hiểu được điều này, ACBS vẫn đang tiếp tục nâng cấp, cải thiện hạ tầng công nghệ, đưa ra những sản phẩm công nghệ tân tiến đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Tiếp nối sự nâng cấp thành công của trang thông tin điện tử ACBS, trang giao dịch trực tuyến mới sẽ được công bố trong năm 2023, đa tiện ích, thân thiện, dễ sử dụng, và hiệu quả,

giúp các nhà đầu tư luôn tiếp cận được với thông tin được cập nhật liên tục trên thị trường, để đưa ra được quyết định đầu tư hiệu quả và kịp lúc. Đội ngũ nhân viên có trình độ cao là nền tảng giúp ACBS giữ vững và nâng cao vị thế. Do đó, ACBS sẽ không ngừng đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên hiện có, cũng như mở rộng đội ngũ nhân viên nhằm nâng cao dịch vụ đến khách hàng.



Giám đốc Chi nhánh và nhân viên tại ACBS Hà Nội



## • Kế hoạch phát triển

Với mục tiêu giữ ACBS ổn định và phát triển thị phần đạt 3.2% trong thời gian tới, Khối Kinh Doanh sẽ đẩy mạnh việc thực hiện các hoạt động:

### ☉ Đẩy mạnh phát triển sản phẩm

\_Xây dựng lại và hoàn thiện nhân sự cho việc phát triển sản phẩm.

\_Cải tiến sản phẩm hiện hữu để tối ưu hiệu quả kinh doanh.

\_Phối hợp với ngân hàng mẹ để phát triển khách hàng thông qua các chương trình bán chéo sản phẩm.

\_Cải tiến các dịch vụ hỗ trợ khách hàng tự động hóa toàn bộ quy trình mở tài khoản online.

\_Duy trì và phát triển đội ngũ kinh doanh

\_Điều chỉnh chính sách Môi giới: giữ được nhân sự có năng lực, thu hút được nhân sự có kinh nghiệm.

\_Mở rộng đội ngũ: tuyển dụng thêm Giám đốc kinh doanh; xây dựng đơn vị kinh doanh KH trực tuyến.

\_Tăng cường kiểm tra, đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng tư vấn, phục vụ khách hàng.

\_Tăng tương tác giữa Môi giới và Khách hàng: có công cụ để nhân viên môi giới tương tác với khách hàng nhiều hơn, phục vụ được nhiều đối tượng nhà đầu tư.





## 📌 Tăng cường hợp tác

Xây dựng chính sách, hệ thống quản lý và đội ngũ giới thiệu khách hàng tiềm năng, bán chéo sản phẩm thông qua các Ngân hàng, Công ty tài chính, Công ty bất động sản, Công ty bảo hiểm



**ỔN ĐỊNH,  
XÂY DỰNG  
& PHÁT  
TRIỂN  
ĐỘI NGŨ  
NHÂN SỰ**

- \_ Mở rộng và phát triển đội ngũ nhân sự.
- \_ Xem xét, điều chỉnh chính sách nhằm thu hút nhân sự có năng lực và kinh nghiệm.
- \_ Tổ chức hướng dẫn, đào tạo cho đội ngũ nhân sự mới để đảm bảo chất lượng tư vấn.
- \_ Chuẩn hóa, hoàn thiện các quy trình
- \_ Hoàn thiện, cập nhật các quy trình tư vấn phù hợp với các quy định mới.
- \_ Phối hợp với các Phòng ban để chuẩn hóa các quy trình hiện hành liên quan đến sản phẩm chứng quyền



# KHAI THÁC VÀ PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG

- \_ Tăng cường phối hợp với Kênh phân phối để tạo sự kết nối và giới thiệu khách hàng sử dụng dịch vụ, tăng cường nhận diện thương hiệu.
- \_ Thúc đẩy mối quan hệ với các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng để gia tăng dịch vụ tư vấn phát hành các sản phẩm mới của ACBS.
- \_ Xây dựng và duy trì các mối quan hệ từ khách hàng hiện hữu để tạo dựng niềm tin cho khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ và phát triển thêm các khách hàng mới; phát triển khách hàng từ các mối quan hệ cá nhân và nội bộ ACBS.







## 1.5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

- **Môi trường quản lý rủi ro 2023**

Thế giới vừa trải qua 2 năm (2020-2021) chiến đấu với dịch Covid-19, kéo theo sau đó là sự khó khăn về kinh tế hậu dịch bệnh. Từ 2022, môi trường kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước đã và đang tạo ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Kinh tế tăng trưởng chậm lại, kéo theo sự sụt giảm doanh thu của các doanh nghiệp. Áp lực chi phí gia tăng, trong đó phải kể đến sự gia tăng của chi phí lãi vay trong môi trường lãi suất tăng hiện nay. Trong điều kiện phải đối mặt với các rủi ro về thiên tai dịch bệnh luôn thường trực, không lường trước, cũng như yếu tố kinh tế vĩ mô nhiều biến động như trên, ACBS định hướng sẽ tiếp tục nâng cao vai trò của quản lý rủi ro để đảm bảo các hoạt động của công ty luôn hiệu quả và đạt được các mục tiêu đã đề ra trong năm 2023.



- **Mô hình quản lý rủi ro tại ACBS**

ACBS đã và sẽ tiếp tục áp dụng chính sách, quy trình quản lý rủi ro chặt chẽ, từ khâu nhận diện đến việc đánh giá, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro. ACBS sử dụng mô hình 3 tuyến bảo vệ trong quản lý rủi ro để đảm bảo hoạt động kinh doanh được an toàn và hiệu quả, trong đó:

*Tuyến bảo vệ thứ nhất* được thực hiện ngay tại đơn vị kinh doanh, đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị tạo ra và thực hiện các quyết định có rủi ro. Tuyến bảo vệ thứ nhất có trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong các quy trình hoạt động, kinh doanh tại đơn vị.

*Tuyến bảo vệ thứ hai* được thực hiện bởi các đơn vị có chức năng quản lý rủi ro, giảm thiểu rủi ro bao gồm Phòng Quản lý rủi ro và Phòng Pháp chế. Các đơn vị này có trách nhiệm xây dựng các chính sách quản lý rủi ro, các công cụ đo lường, ước lượng rủi ro, các công cụ đánh giá rủi ro, giám sát tuyến bảo vệ thứ nhất trong việc nhận dạng, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, nhằm đảm bảo việc thực thi hiệu quả quản lý rủi ro tại ACBS.

*Tuyến bảo vệ thứ ba* bao gồm Phòng Kiểm soát nội bộ và Bộ phận Kiểm toán nội bộ, 2 đơn vị này có trách nhiệm kiểm soát/kiểm toán nội bộ để đảm bảo các hoạt động của tuyến thứ nhất và tuyến thứ hai hiệu quả theo quy định của pháp luật và của nội bộ ACBS.

Chính sách quản lý rủi ro tại ACBS được thực hiện xuyên suốt từ Hội đồng Thành viên, Hội đồng quản lý rủi ro, Ban điều hành và toàn thể phòng/ban, nhân viên của Công ty

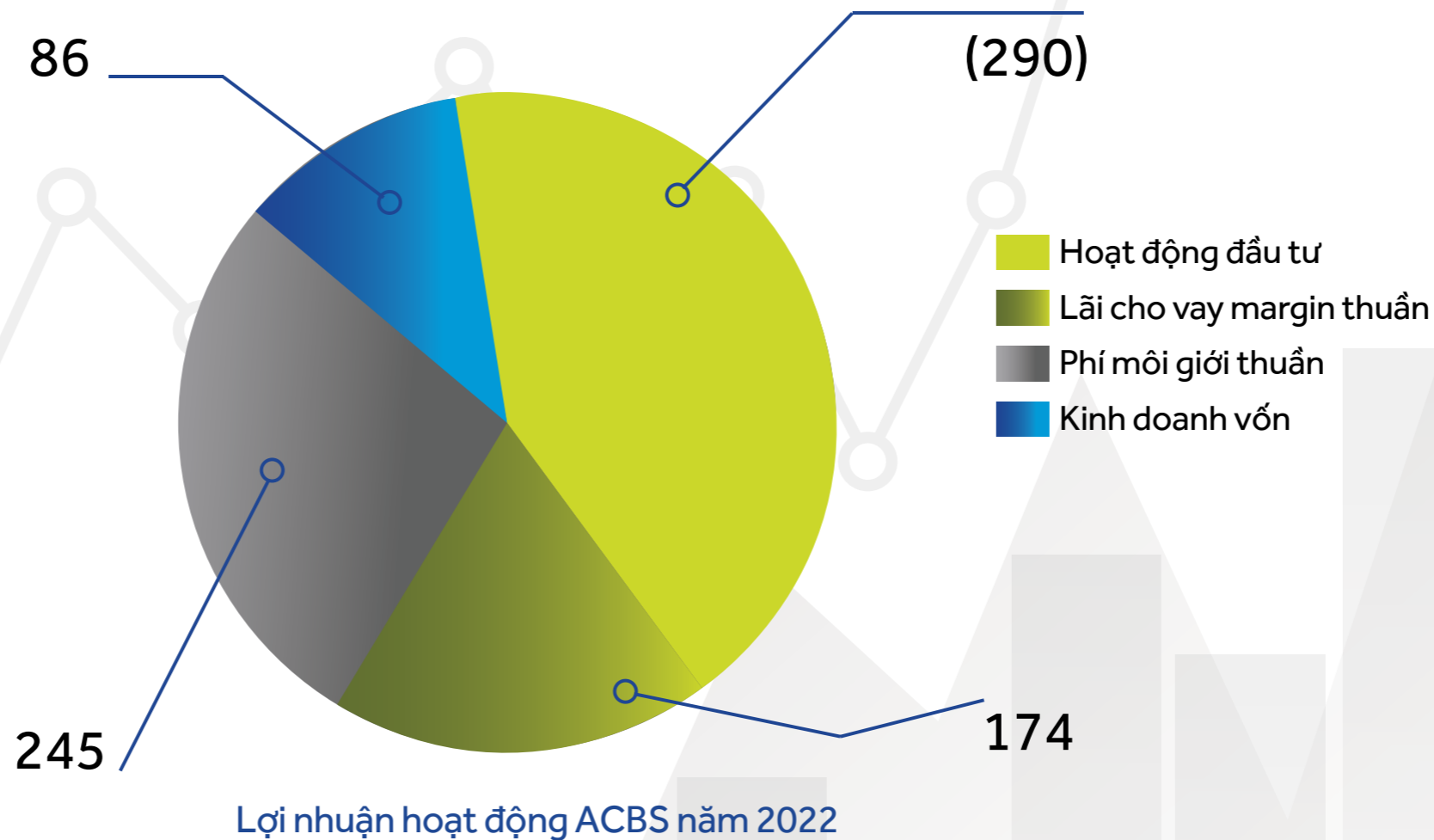




# PHẦN 2 : TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

## 2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022, ACBS đạt lợi nhuận trước thuế là 97.8 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận hoạt động ACBS đạt 214.8 tỷ đồng giảm -71% so với cùng kỳ, chi tiết như sau:



Hoạt động đầu tư giảm 193% so với cùng kỳ, năm 2021 lãi 312 tỷ đồng. Chủ yếu giảm về bán và đánh giá lại cổ phiếu giảm 201% so với năm 2021 lãi 336.8 tỷ đồng.

Lãi cho vay ký quỹ (margin) thuần đạt 174 tỷ đồng tăng nhẹ 12% so với năm 2021 (155 tỷ đồng). Tuy ảnh hưởng bất lợi từ thị trường nhưng lãi cho vay margin thuần vẫn tăng nhẹ 12% so với năm 2021 và không phát sinh dư nợ xấu là điểm sáng trong năm 2022.

Phí môi giới thuần đạt 245 tỷ đồng tăng nhẹ 11% so với năm 2021 (220 tỷ đồng). Tuy thị trường chứng khoán Việt Nam giảm 32,8% và kết thúc năm với chỉ số VN-Index đạt 1,007.1 điểm. Thanh khoản trên thị trường chứng khoán cũng giảm mạnh từ mức bình quân 24,203.6 tỷ đồng/ phiên trong quý 1/2022, thanh khoản giảm 57.2% và chỉ đạt bình quân 10,351.4 tỷ đồng/phiên trong quý 4/2022, nhưng phí môi giới thuần vẫn tăng so với cùng kỳ là điểm tích cực trong bối cảnh năm 2022.

Hoạt động kinh doanh vốn đạt 86 tỷ đồng tăng 41% so với cùng kỳ, trong khi năm 2021 đạt 61 tỷ đồng.



## 2.2. Tổ chức và nhân sự

### a) Thông tin Hội đồng Thành viên (HĐTV)

Hội đồng Thành viên gồm có:

Ông Đỗ Minh Toàn được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ tháng 06/2022. Hiện ông còn đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng đầu tư, Chủ tịch Hội đồng nhân sự và lương thưởng tại ACBS. Ông Đỗ Minh Toàn gia nhập ACB từ năm 1995 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng, chủ chốt trong Tập đoàn. Năm 2012, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng ACB và đảm nhiệm vị trí này trong 3 nhiệm kỳ liên tiếp (9 năm). Ông Toàn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ và là Cử nhân ngành Ngân hàng Trường Cao Cấp Ngân hàng TP.HCM (nay là Đại học Ngân hàng TP.HCM). Ông cũng là Cử nhân Quản trị Ngoại thương Trường Đại học Kinh tế TP.HCM và Cử nhân Luật Trường Đại học Luật TP.HCM.



Ông Đỗ Minh Toàn  
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Thành Long là thành viên Hội đồng Thành viên ACBS nhiệm kỳ 2018-2023.

Tại ACB, ngoài chức danh chính là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Nguyễn Thành Long còn là Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro, thành viên Ủy ban Nhân sự và Ủy ban đầu tư ACB. Ông từng giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt tại Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Ngân hàng Eximbank, Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt. Ông Nguyễn Thành Long chính thức gia nhập tập đoàn ACB từ năm 2012 và là thành viên của Hội đồng Thành viên ACBS từ 08/2018.



Ông Nguyễn Thành Long  
Thành viên



Ông Huỳnh Duy Sang  
Thành viên

Được bổ nhiệm vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS nhiệm kỳ 2018-2023 từ tháng 6/2022, trước đó, ông Nguyễn Đức Thái Hân từng giữ vai trò Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS. Hiện ông còn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng ALCO tại ACBS. Ông Nguyễn Đức Thái Hân tốt nghiệp Cử nhân khoa học, ngành vật lý lý thuyết, Trường Đại học Tổng hợp TP.HCM. Năm 1994, ông tham gia công tác tại ACB và kiêm nhiệm qua các vị trí Phó Trưởng Phòng Nghiên cứu và phát triển, Phó Trưởng Phòng Tín dụng, Trưởng Phòng Kinh doanh tiền tệ, Trưởng Phòng Kinh doanh vốn, Trưởng Phòng Kinh doanh ngoại hối.

Từ năm 2008, ông Hân đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc ACB. Tại ACB, ông đồng thời được phân công chỉ đạo hoạt động của Khối Thị trường Tài chính và Phó Chủ tịch ALCO.



Ông Nguyễn Đức Thái Hân  
Phó Chủ tịch Hội đồng  
Thành viên

Ông Sang được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Thành viên ACBS nhiệm kỳ 2018-2023 vào tháng 06/2022. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Tài chính ACBS kể từ tháng 02/2020 đến tháng 12/2022.

Khởi đầu từ tháng 11/2006 với vị trí Chuyên viên kinh doanh ngoại hối/ vàng tại ACB. Trong suốt thời gian công tác tại ACB, ông đã nắm giữ các vị trí quản lý tại tập đoàn, bao gồm Phó giám đốc Trung tâm giao dịch vàng; Giám đốc dự án quản lý kinh doanh Ngân quỹ; Phó phòng kinh doanh ngoại hối và vàng; Trưởng phòng kinh doanh ngoại hối và vàng. Ông Sang tốt nghiệp xuất sắc chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính ngân hàng của Đại học Paris Dauphine & ESCP Europe, hiện tại ông cũng đang là thành viên chính thức của Hiệp hội CFA thuộc biên chế Singapore Society trực thuộc CFA Institute US. Ông Sang cũng đã từng tham gia giảng dạy với tư cách là giáo viên thỉnh giảng tại trường đại học Kinh tế tài chính (2012-2016) và Học viện IBM cho chương trình đào tạo MBA của đại học UBIS – Thụy Sĩ (2017-2020). Ông Sang hiện là Giám đốc Khối Thị trường tài chính tại Ngân hàng TMCP Á Châu.



## b) Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hoàn đã có 20 năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính Việt Nam và quốc tế. Ông từng giữ những chức vụ quan trọng như Tổng giám đốc và Thành viên Hội đồng Thành viên của các công ty như Công ty cổ phần quỹ Tín Phát, Công ty Chứng khoán KB và Công ty Cổ phần Chứng khoán HD.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Đại học Leicester và Thạc sĩ Khoa học Tài chính Quốc tế (MSc in Finance) tại Đại học Westminster của Vương quốc Anh.

Với những chuyên môn được rèn giũa tại nước ngoài, ông Hoàn đã có những đóng góp quan trọng khi làm việc tại Ngân hàng Barclays tại Luân Đôn và Ngân hàng Định chế thuộc Ngân hàng MSB.

Ông Nguyễn Đức Hoàn được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc ACBS từ ngày 22/06/2022. Ông ưu tiên hàng đầu là kiểm soát rủi ro, từ việc nhận diện đến xây dựng các hệ thống ngăn chặn để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được giao



**Ông Nguyễn Đức Hoàn**  
Tổng Giám Đốc

Ông Hoàng Công Nguyên Vũ được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc ACBS từ ngày 03/10/2022. Tham gia Ban Tổng giám đốc, ông Vũ trực tiếp quản lý và điều hành Khối vận hành với mục tiêu đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin và các quy trình nghiệp vụ vận hành chứng khoán tại ACBS được an toàn và liền mạch.

Ông Vũ đã có hơn 18 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán với gần 13 năm giữ vai trò quản lý cấp cao, trong đó 9 năm ông tham gia Ban điều hành tại 5 công ty chứng khoán khác nhau. Ngoài ra ông từng có kinh nghiệm làm việc tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán CN TP.HCM (VSD) với nhiệm vụ quản lý, phát triển hệ thống và đào tạo quy trình thanh toán giao dịch cho các công ty chứng khoán thành viên.

Ông Vũ tốt nghiệp Cử nhân Công nghệ thông tin của Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM.



**Ông Hoàng Công Nguyên Vũ**  
Phó Tổng Giám Đốc



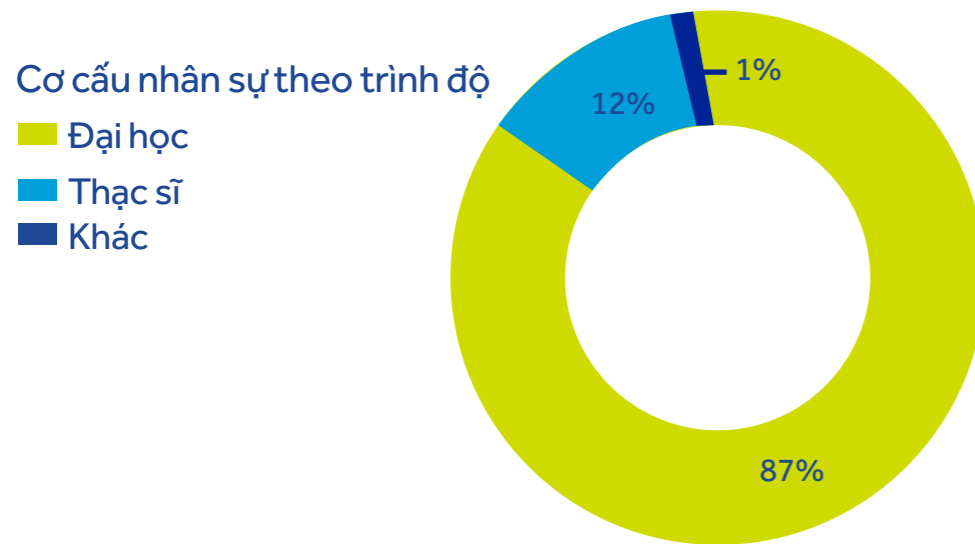
### c) Những thay đổi trong ban điều hành

Tháng 04/2022, Ông Trịnh Thanh Cần từ nhiệm vị trí Tổng giám đốc ACBS.

Đến tháng 06/2022, Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu thông qua Quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Hoàn vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Tháng 10/2022, Chủ tịch Hội đồng Thành viên chính thức bổ nhiệm ông Hoàng Công Nguyên Vũ đảm nhiệm vị trí Phó tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS).

### d) Số lượng cán bộ, nhân viên:



Tính đến ngày 31/12/2022, ACBS đạt quy mô nhân sự gần 400 nhân viên, trong đó nhân sự đạt trình độ đại học và trên đại học chiếm 98% và hơn 200 nhân sự có Chứng chỉ hành nghề.

### e) Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

#### Chính sách và hoạt động đãi ngộ người lao động

ACBS xây dựng chính sách lương thưởng có tính cạnh tranh trên cơ sở khảo sát lương của thị trường lao động, căn cứ trên các tiêu chí công bằng, minh bạch tương xứng với kết quả và chất lượng công việc.

Thu nhập của nhân viên được xác định theo kết quả hoàn thành công việc của ACBS, đơn vị và cá nhân. ACBS đã xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá thành tích công việc nhân viên (BSC) nhằm

đảm bảo người lao động xác định được mức kỳ vọng đối với công việc được giao cũng như biết được mức khen thưởng tương xứng nhằm tạo động lực, khuyến khích trực tiếp đến từng cá nhân.

ACBS tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo hiểm đối với người lao động. Tất cả nhân viên chính thức của ACBS đều được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Bên cạnh đó, nhân viên ACBS còn được tham gia nhiều chế độ đãi ngộ như: tiền ăn giữa ca, chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện, chương trình hỗ trợ bảo hiểm sức khỏe cho người thân, bảo hiểm tai nạn con người 24/24, chương trình cho vay lãi suất ưu đãi, sinh nhật, hiếu hỉ v.v.

ACBS còn nâng cao tinh thần làm việc và vui chơi giải trí cho nhân viên thông qua các chương trình gắn kết đội nhóm (team building), sinh nhật công ty, giải bóng đá, chạy bộ, tiệc 8-3, tiệc tất niên vinh danh nhân viên xuất sắc, v.v.





## Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn của người lao động

ACBS vẫn duy trì và tuân thủ công tác phòng chống dịch Covid-19. Tại nơi làm việc đều trang bị đầy đủ máy đo thân nhiệt, nước rửa tay, bộ kit xét nghiệm nhanh... Đồng thời thường xuyên truyền thông đến các nhân viên thông tin, hướng dẫn phòng chống dịch Covid - 19.

ACBS tiếp tục duy trì hoạt động kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể nhân viên, lãnh đạo.

## Chính sách và hoạt động tuyển dụng người lao động

Chính sách tuyển dụng của ACBS tập trung vào việc thu hút nhân tài, tạo điều kiện cho người tài phát triển, phát huy năng lực làm chủ sự nghiệp của từng cá nhân. Mối quan hệ giữa ACBS với ứng viên được xây dựng trên nguyên tắc hợp tác vì mục tiêu chung của tổ chức và sự phát triển sự nghiệp của ứng viên.

ACBS là cầu nối tích cực cho các hoạt động giáo dục của các trường Đại học, giúp các sinh viên có cơ hội học tập và trải nghiệm

môi trường làm việc thực tế tại ACBS. Nhờ đó, đội ngũ nhân viên của ACBS ngày càng có nhiều các bạn trẻ đam mê tài chính, chứng khoán đến thực tập và công tác lâu dài với công ty.

ACBS luôn đảm bảo cơ hội tuyển dụng công bằng cho mọi đối tượng từ những sinh viên mới ra trường đến các ứng viên có nhiều năm kinh nghiệm làm việc.

## Chính sách và hoạt động đào tạo người lao động

Đối với ACBS, đội ngũ nhân sự là tài sản quý giá vì vậy các chính sách và hoạt động đào tạo luôn được chú trọng để đảm bảo những thành viên đều được học tập, trau dồi thêm nhiều kiến thức mới để giúp nhân viên hoàn thiện năng lực cho công việc hiện tại và phát triển sự nghiệp trong tương lai.

Chương trình học tập được đa dạng hóa về hình thức truyền tải và nội dung được thể hiện thông qua các chương trình workshop, e-learning... ACBS khuyến khích tinh thần học tập chủ động và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cá nhân, tập thể nhằm lan tỏa sự tiến bộ trong tổ chức, đến cộng đồng, và khách hàng của ACBS.

## Chính sách và hoạt động phát triển người lao động

Chính sách phát triển nhân sự của ACBS chú trọng đến chất lượng, khả năng thích ứng và đổi mới của nguồn nhân lực để đảm bảo nguồn nhân lực có năng lực hoàn thành tốt công việc được giao.

Thúc đẩy cấp quản lý hoàn thành kế hoạch kinh doanh, cải thiện năng lực huấn luyện và phát triển đội ngũ tại đơn vị, và sẵn sàng tham gia học tập kiến thức mới.

Năm 2022, ACBS đã xây dựng định hướng phát triển mới thông qua việc xây dựng chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hệ thống chức danh theo sơ đồ tổ chức mới.

Xây dựng văn phòng làm việc mô hình mở, bố trí nhiều cây xanh với trang thiết bị hiện đại tạo không gian làm việc thuận lợi, mang đến sự thoải mái và tăng nguồn cảm hứng làm việc cho nhân viên hơn.





## 2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### a) Các khoản đầu tư lớn

Khác với khi thị trường cực kỳ thuận lợi trong năm 2021 với dòng tiền mạnh giá rẻ và nhu cầu giải nhân đầu tư cao, thị trường chứng khoán năm 2022 đối mặt liên tiếp các ảnh hưởng xấu từ địa chính trị thế giới, Việt Nam, nền kinh tế suy giảm dần và những sự kiện ảnh hưởng đến dòng vốn. Cũng chính vì xu thế đó mà quy mô đầu tư của ACBS đã phải liên tục giảm dần để giảm ảnh hưởng lợi nhuận đến công ty cũng như phòng tránh những biến cố bất ngờ có thể xảy ra làm xấu đi niềm tin đầu tư của thị trường. Đến cuối năm 2022, các khoản đầu tư lớn đã giảm mạnh rất nhiều về quy mô để giành vốn chờ cơ hội giải ngân trở lại.

Song song, các đợt phát hành Chứng quyền có đảm bảo (Covered Warrants) cũng mang tính phòng thủ và tích trữ tài sản hơn với những cổ phiếu đầu tư chất lượng tốt hơn dành cho khách hàng trú bão chờ cơ hội giải ngân cổ phiếu cơ sở giống như Tự doanh. Tuy thị trường chứng quyền trải qua một năm nhiều biến động do ảnh hưởng từ thị trường chứng khoán cơ sở, các mã chứng quyền có đảm bảo được phát hành bởi ACBS luôn nằm trong nhóm có thanh khoản tốt, được nhà đầu tư ưa chuộng. ACBS thuộc top các tổ chức phát hành có thị phần theo giá trị giao dịch cao, chiếm tỷ lệ xấp xỉ 20%.



## b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC) là công ty con của ACBS được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Năm 2022 là năm có nhiều biến động đối với thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, ACBC vẫn linh hoạt cùng diễn biến thị trường để khai thác hiệu quả sinh lời ngắn hạn nhưng vẫn bám sát chiến lược đầu tư, đảm bảo quản trị rủi ro, tập trung vào các giá trị tốt nhất mang lại cho khách hàng, bao gồm hiệu quả đầu tư tối ưu, bền vững trong dài hạn. Kết thúc năm 2022, hoạt động của ACBC đạt kết quả như sau:

- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2,61 tỷ đồng
- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (31/12/2022): 534%

Trong năm 2023 ACBC tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý tài sản cho khách hàng hiện hữu, đồng thời quản lý có hiệu quả Quỹ thành viên ACB50 nhằm đem lại giá trị tối ưu cho khách hàng. ACBC tiếp tục nghiên cứu, thiết kế và quản lý các quỹ đầu tư mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng.

## 2.4. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)	Năm 2021	Năm 2022	%tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	7,608	5,650	-26%
Doanh thu thuần	1,714	1,393	-19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh*	749	215	-71%
Lợi nhuận khác	4	3	-30%
Lợi nhuận trước thuế	671	98	-85%

Lợi nhuận sau thuế	541	78	-86%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

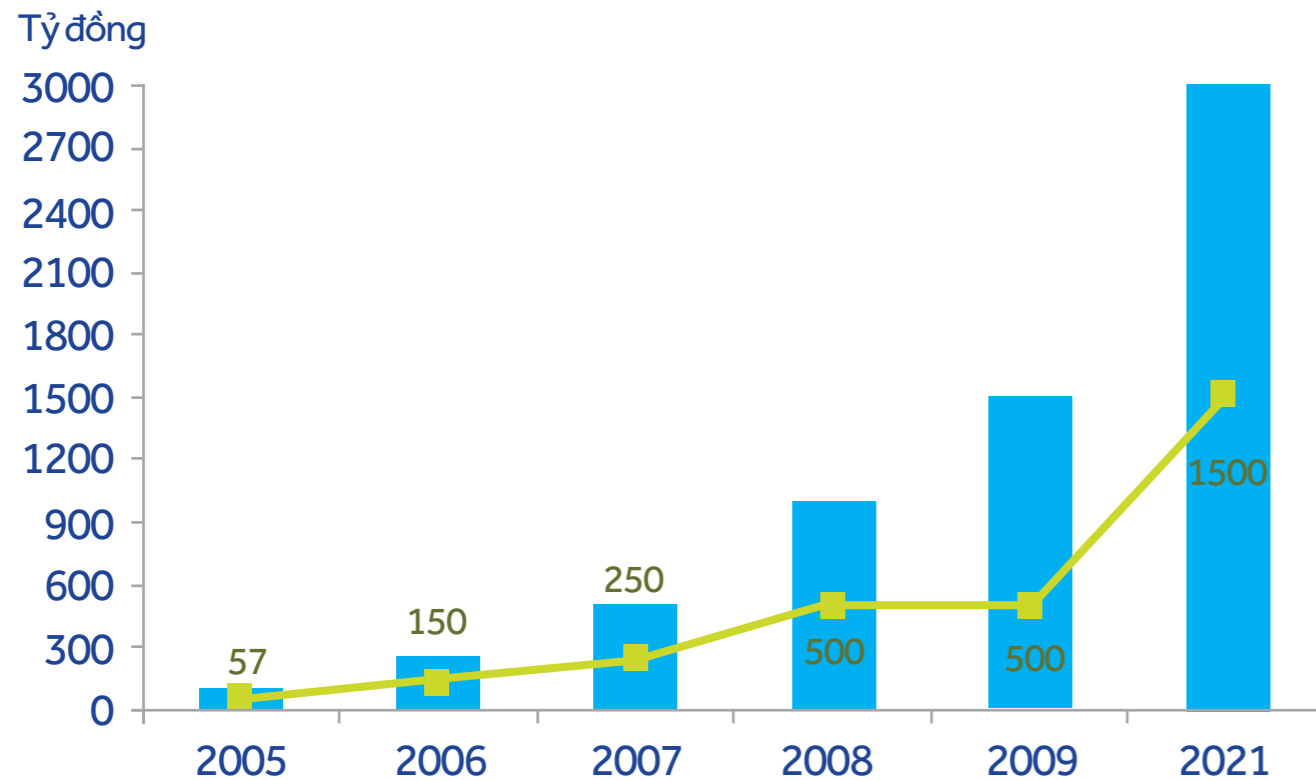
\* Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh = Doanh thu hoạt động (Mã số 20) - Chi phí hoạt động (Mã số 40) trên báo cáo tài chính hợp nhất.

### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> + Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.1	3.7	
+Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn/Nợ ngắn hạn	-	-	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.5	0.3	
+Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.9	0.4	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.2	0.2	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.3	0.1	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.1	0.02	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.1	0.01	
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.4	0.2	



## 2.5. Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



## 2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- Tác động lên môi trường và tiêu thụ năng lượng:**

Hàng năm, ACBS đều xây dựng kế hoạch chi tiết về việc tiêu thụ và sử dụng năng lượng nhằm giám sát chặt chẽ chi phí sử dụng năng lượng để tránh lãng phí và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Năm 2022, ACBS không ghi nhận trường hợp nào liên quan đến vi phạm luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Năm 2022, ACBS dành ngân sách ủng hộ và truyền thông, khuyến khích người lao động tham gia các hoạt động xã hội vì cộng đồng như: chương trình "Đi bộ vì nạn nhân chất độc da cam/dioxin" của Sở Lao động thương binh và Xã hội, chương trình hiến máu nhân đạo.

## 3.1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô không mấy sáng sủa, thị trường chứng khoán bị nhiều tác động tiêu cực. Hết năm 2022, VN-Index đã giảm từ 1485,6 điểm xuống còn 1007 điểm, tương ứng với mức giảm 33%. Thanh khoản cũng đã giảm mạnh xuống với giá trị giao dịch trung bình ngày xuống còn 17 nghìn tỷ đồng giảm 21% so với bình quân phiên năm 2021. Với bối cảnh chung như vậy, KQKD của các công ty chứng khoán nhìn chung đã suy giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước và ACBS cũng không phải là ngoại lệ.

Doanh thu của ACBS giảm 19%, đạt 1.392 tỷ đồng chủ yếu do doanh thu từ mảng tự doanh suy giảm mạnh 39%. Thêm vào đó, mảng doanh thu nghiệp vụ môi giới cũng sụt giảm 13%. Điểm sáng trong bức tranh KQKD của ACBS là doanh thu mảng cho vay tăng 3%. Trong khi đó, chi phí hoạt động tăng 22%, mạnh nhất là ở mảng tự doanh (+76%) dẫn đến LNST của công ty sụt giảm đến 86% so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 78 tỷ đồng.

Có thể nói năm 2022 là một năm hoàn toàn trái ngược với năm 2021. Nếu như năm 2021, mảng tự doanh là điểm sáng giúp cho ACBS ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận vượt bậc thì năm 2022 mảng tự doanh lại là nguyên tố chính làm cho lợi nhuận công ty sụt giảm trầm trọng. Tuy vậy, so với mặt bằng chung VN-Index đã giảm 33% so với đầu năm thì đến hết 2022, danh mục tự doanh của ACBS chỉ ghi nhận mức giảm 15% dù tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục luôn ở mức cao. So với hiệu quả hoạt động của một số quỹ lớn trên thị trường thì mức giảm 15% cũng thuộc nhóm hiệu suất khá tốt trong năm nay.

## 3.2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản ACBS năm 2022 đạt 5.649 tỷ đồng giảm -25% so với năm 2021 (7.608 tỷ đồng) trong đó:

- Tài sản ngắn hạn năm 2022 đạt 5.459 tỷ đồng giảm 27% so với năm 2021 (7.517 tỷ đồng), chủ yếu:

\_ Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) năm 2022 đạt 489 tỷ đồng giảm 32% so với năm 2021 (716 tỷ đồng).

\_ Các khoản cho vay năm 2022 đạt 2.048 tỷ đồng giảm 57% so với năm 2021 do ảnh hưởng về thanh khoản giảm, biến động của thị trường chứng khoán, chính sách cho vay. Tuy có sự giảm mạnh về dư nợ ký quỹ nhưng công ty đã không phát sinh dư nợ xấu trong năm 2022.

- Tài sản dài hạn đạt 190,8 tỷ đồng tăng 111% so với năm 2021 (90,5 tỷ đồng), chủ yếu:

\_ Tài sản tài chính dài hạn năm 2022 đạt 61,9 tỷ đồng.

\_ Tài sản cố định năm 2022 đạt 75,8 tỷ đồng tăng 68% so với năm 2021 (45 tỷ đồng) chủ yếu đầu tư vào các thiết bị và phần mềm công nghệ thông tin nhằm nâng cao trải nghiệm cho khách hàng khi dùng App/Web của ACBS.

- Trong năm 2022, ACBS không phát sinh dư nợ xấu nên không ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh.

### b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả ACBS năm 2022 là 1.477 tỷ đồng giảm 58% so với năm 2021 (3.514 tỷ đồng), chủ yếu giảm vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành 1.898 tỷ đồng.

ACBS không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn trong năm 2022.





### 3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2022, ACBS đã có sự bổ sung nhân sự đáng kể trong đội ngũ Ban Điều Hành và Hội đồng Thành viên. Ngoài ra Ngân hàng mẹ (Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB) cũng đã phê duyệt và ban hành Quy định sửa đổi và bổ sung về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của ACBS gồm 04 hội đồng, 05 Khối phòng ban thuộc Hội Sở và hệ thống Kênh Phân phối nhằm tăng hiệu quả quản lý và hướng đến chiến lược phát triển lâu dài. Song song với đó, ACBS liên tục thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm rất nhiều vị trí Trưởng đơn vị, trưởng bộ phận theo sơ đồ tổ chức mới.

Với những dự án trọng điểm của bộ phận vận hành như KRX, Giao dịch thuật toán (Algo Trading), Mobile Trading, Web Trading... ACBS đã thành lập những ban dự án chuyên trách tập hợp nhân sự từ nhiều phòng ban nhằm tối ưu hoá nguồn lực. Ngoài ra, Công ty cũng không ngừng rà soát để nâng cấp và ban hành mới hàng loạt Quy chế và Quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp giữa các bộ phận nhằm tối ưu hoá hiệu quả kinh doanh và ứng dụng công nghệ vào quy trình quản lý đội ngũ nhân sự.

### 3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

ACBS đã lên kế hoạch phát triển hệ thống công nghệ thông tin gồm hơn 10 dự án lớn sẽ được triển khai trong thời gian tới. Để phát huy lợi thế của Ngân hàng ACB, ACBS sẽ tiếp tục phát triển và hoàn thiện các giải pháp kỹ thuật như cổng giao tiếp thanh toán (Payment hub), công cụ mở tài khoản trực tuyến để cung cấp đầy đủ tính năng cần thiết và tiện dụng, phục vụ cho nhu cầu giao dịch chứng khoán ngay trên ứng dụng của ACB. Ngoài ra, sau khi đưa vào sử dụng, hệ thống giao dịch web nhúng cũng cho phép ACBS kết nối thêm với những đối tác khác nhau để tiếp cận nhiều đối tượng khách hàng hơn.

Nhằm đáp ứng cho việc thay đổi core giao dịch và thanh toán của các Sở giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cũng như chuẩn bị cho những sự phát triển trong tương lai của thị trường, ACBS đã và đang liên tục thực hiện việc







nâng cấp, chỉnh sửa, bổ sung tính năng và đưa vào kế hoạch khảo sát thay thế hệ thống core hiện tại vào một thời điểm phù hợp.

Về việc tăng khả năng hoạt động liên tục (BCP), ACBS cũng sẽ xây dựng trung tâm dự phòng (DR site) trong thời gian tới.

### 3.5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có ý kiến.

### 3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

#### a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong quá trình vận hành, ACBS xác định sử dụng nguồn năng lượng hợp lý sẽ giúp giảm thiểu tác động môi trường, đồng thời tránh lãng phí chi phí vận hành công ty. Một số biện pháp được áp dụng tại ACBS như sau: theo dõi và có chế độ bảo trì máy móc thiết bị và hệ thống điều hòa, có kế hoạch vệ sinh định kỳ thiết bị, giám sát chỉ số sử dụng điện, nước một cách hợp lý theo nhu cầu sử dụng, triển khai lưu trữ giao dịch chứng từ điện tử thay chứng từ giấy.

Các hoạt động của ACBS phần lớn đều chú trọng cho các việc liên quan đến môi trường sống, như ấn phẩm, quà tặng của công ty đều sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường; thay đổi mô hình mới các văn phòng theo nhận dạng thương hiệu “GREEN MOUNTAIN – NGỌN NÚI XANH” nhằm định hướng phát triển bền vững của công ty cùng với ý thức và hành động bảo vệ môi trường.

#### b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

ACBS tuân thủ các quy định, luật định liên quan đến người lao động. Với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, ACBS không ngừng xây dựng môi trường làm việc hiện đại, khuyến khích sự chia sẻ kinh nghiệm, các ý tưởng mới và tinh thần học hỏi lẫn nhau nhằm tạo động lực tốt cho người lao động nỗ lực làm việc, phát triển bản thân và gắn bó lâu dài với Công ty.



### c) **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

ACBS cam kết thực thi trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với môi trường và cộng đồng/địa phương cần hỗ trợ với các mục tiêu chính là giảm thiểu lượng rác thải nhựa, giấy in, v.v

Tinh thần bảo vệ môi trường của người ACBS luôn được nuôi dưỡng để trở thành một nét văn hóa. Các ấn phẩm, quà tặng v.v gửi đến đối tác, khách hàng đều sử dụng các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường nhằm lan tỏa hành động chung tay bảo vệ màu xanh của trái đất.

Tổ chức hoạt động hiến máu nhân đạo, một hành động thể hiện sự chia sẻ của những nhân viên ACBS giúp đỡ những người bệnh đang cần máu để điều trị cũng như duy trì sự sống.

## PHẦN 4

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



*Ông Đỗ Minh Toàn  
Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS*

### **4.1.Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2022**

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới năm 2022 trải qua nhiều khó khăn, bất ổn, trong đó chính sách Zero-Covid của Trung Quốc và cuộc chiến giữa Nga và Ukraine đã gây ra nhiều hệ lụy trên bình diện toàn cầu. Ngoài ra, các cuộc chiến tranh lạnh giữa Mỹ, Trung Quốc và Nga cũng đã dẫn tới xung đột trong các lĩnh vực công nghệ, nhân lực, thương phẩm. Thế giới đã hứng chịu hậu quả của việc cấm vận hàng hóa, thoái vốn đầu tư, thay đổi nguồn cung ứng. Tất cả các yếu tố trên đã đẩy lạm phát gia tăng mạnh trong năm 2022, dẫn tới việc Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã phải tăng lãi suất 07 lần từ mức 0,25% vào đầu năm 2022 lên 4,5% vào cuối 2022 (hiện tại đang là



4,75%), để kiểm soát và đẩy lùi lạm phát. Theo đó, kinh tế Việt Nam cũng đối mặt nhiều khó thách thức, lãi suất gia tăng, lực cầu sụt giảm, doanh thu và lợi nhuận các doanh nghiệp suy yếu.

Với tình hình kinh tế - chính trị năm 2022 nhiều biến động như phân tích ở trên, thị trường chứng khoán nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng đã không tránh khỏi các ảnh hưởng tiêu cực, dẫn tới việc hầu hết các công ty chứng khoán không thể hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2022, trong đó ACBS đạt xấp xỉ 98 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đạt 24% kế hoạch. Điểm sáng trong kết quả kinh doanh của ACBS là thu nhập phí ròng mảng môi giới tăng 12%, thu nhập lãi cho vay margin tăng 4% so với cùng kỳ. Kết quả này tuy chưa đạt kế hoạch do Chủ sở hữu đề ra, nhưng đó là kết quả đáng khích lệ trong một môi trường kinh doanh nhiều sóng gió như năm 2022.

## 4.2.Đánh giá của Hội đồng Thành viên về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong điều kiện môi trường vĩ mô có nhiều chuyển biến như trên, Hội đồng Thành viên đã đồng hành cùng với Ban điều hành để cải tiến, hoàn thiện hệ thống hoạt động của ACBS. Bằng những nỗ lực trong việc cải tiến sơ đồ tổ chức, sắp xếp lại bộ máy nhân sự, thay đổi hệ thống vận hành theo hướng nhanh chóng hiệu quả, xây dựng và hoàn thiện các khung quản lý rủi ro, ban hành các chính sách, quy định về hoạt động kinh doanh của Công ty, nâng cấp hệ thống giao dịch, từ đó nâng cao khả năng cung ứng dịch vụ đến các khách hàng của ACBS. Về các hoạt động xã hội, ACBS đã cùng với Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) tham gia chương trình Gắn Lại O với mục tiêu nâng cao ý thức về môi trường sống ít ô nhiễm, giảm thiểu lượng rác thải nhựa, giấy in, phát huy tối đa việc sử dụng các sản phẩm tái chế để từ đó góp phần bảo vệ môi trường chung.

## 4.3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Thành viên

Trong điều kiện thị trường chứng khoán được đánh giá sẽ tiếp tục đối mặt nhiều khó khăn trong năm 2023 do môi trường lãi suất cao, thanh khoản tín dụng hạn chế, lợi nhuận các doanh nghiệp được dự báo suy giảm, Hội đồng Thành viên định hướng hoạt động kinh doanh ACBS trong năm 2023 như sau:

### **Đối với các mảng kinh doanh hiện tại, ACBS định hướng:**

\_ Mở rộng hoạt động môi giới bán lẻ, hoạt động cho vay margin. Theo đó, ACBS thực hiện đánh giá lại các cổ phiếu được phép giao dịch ký quỹ để mở rộng danh mục cho vay, rà soát lại danh mục khách hàng để cung ứng và phát triển các sản phẩm phù hợp, từ đó gia tăng doanh thu và lợi nhuận của mảng kinh doanh này trong năm 2023;

\_ Tiếp tục đẩy mạnh việc phát hành chứng quyền có bảo đảm ra thị trường với định hướng ACBS sẽ trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trong việc cung ứng các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến CW;

\_ Đối với mảng tự doanh, ACBS tuân thủ chủ trương đầu tư thận trọng, tập trung tận dụng các cơ hội và các nhịp thị trường để gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh trên bình diện toàn Công ty;

\_ Đẩy mạnh hoạt động tư vấn doanh nghiệp, gia tăng quy mô tư vấn và mở rộng tập khách hàng của mảng dịch vụ này;

\_ Cơ cấu lại nguồn vốn Công ty để gia tăng hiệu quả hoạt động vay và gửi tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, từ đó cải thiện doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.





#### **Đối với việc mở rộng thị phần kinh doanh:**

ACBS chủ trương đẩy mạnh việc phát triển tập khách hàng mới, trong đó, với lợi thế là công ty con của ACB, ACBS dự kiến sẽ chủ động tiếp cận và phát triển các sản phẩm phục vụ tập khách hàng tiềm năng này, từ đó

mở rộng tập khách hàng của ACBS và gia tăng hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

#### **Đối với việc nâng cao chất lượng dịch vụ:**

Công ty đẩy mạnh việc sắp xếp lại các kênh phục vụ khách hàng, trong đó phải kể đến sự ra đời của Phòng giao dịch chứng khoán trực tuyến. Đây sẽ là một kênh chăm sóc và gia tăng số lượng khách hàng, đồng thời giúp Công ty khôi phục, kích hoạt lại các khách hàng và tài khoản đã lâu chưa sử dụng các dịch vụ của ACBS.

Với các định hướng kinh doanh nêu trên, Hội đồng Thành viên kỳ vọng ACBS sẽ đạt được các mục tiêu do Chủ sở hữu giao trong năm 2023.



## PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 5.1. Hội đồng Thành viên

Hội đồng Thành viên nhiệm kỳ 2018-2023 có 04 thành viên theo quyết định số 4058/TCQĐ-HĐQT.22 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

#### ► Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên

STT	Thành viên	Chức danh
1	Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
2	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Thành Long	Thành viên
4	Huỳnh Duy Sang	Thành viên

#### ► Hoạt động của Hội đồng Thành viên

Trong năm 2022, Hội đồng thành viên đã tổ chức tổng cộng 20 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh. Hội đồng thành viên đã ban hành tổng cộng 15 nghị quyết, 27 quyết định liên quan đến chủ trương, chính sách đối với các hoạt động, tổ chức bộ máy và nhân sự.

Hội đồng thành viên triển khai

các công việc thuộc thẩm quyền thông qua các Hội đồng chuyên môn gồm Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng, Hội đồng ALCO. Nhân sự của mỗi Hội đồng chuyên môn đảm bảo có ít nhất 02 thành viên Hội đồng thành viên tham gia nhằm tăng cường năng lực quản trị, kịp thời đưa ra các đề xuất, chỉ đạo theo từng lĩnh vực; tăng cường khả năng giám sát, đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả trong quá trình hoạt động của ACBS.

Các báo cáo tình hình quản trị công ty định kỳ sáu tháng và cả năm được thực hiện và báo cáo đầy đủ cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

► **Danh sách các thành viên Hội đồng Thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty** Không áp dụng.

### 5.2. Ban Kiểm soát

► **Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát ACBS nhiệm kỳ

2018-2023 có 01 Kiểm soát viên là ông Huỳnh Hiếu Nghĩa. Ông tham gia vai trò Kiểm soát viên tại ACBS từ năm 2012.

Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa tốt nghiệp Cử nhân Kế toán Trường Cao cấp Ngân hàng TP.HCM và có hơn 23 năm kinh nghiệm công tác trong ngành Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt ông Nghĩa hiện đang đảm trách vị trí Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Á Châu.

#### ► Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động Công ty theo Điều lệ của ACBS, tham dự các buổi họp định kỳ của Hội đồng thành viên.

ACBS duy trì Bộ phận Kiểm toán nội bộ nhằm thực hiện việc kiểm tra, xem xét, đánh giá tính phù hợp, tuân thủ trong quá trình hoạt động của ACBS, kịp thời phát hiện các lỗi phát sinh (nếu có) để kịp thời ngăn chặn và nhanh chóng đưa ra giải

pháp khắc phục, đảm bảo hoạt động cho ACBS an toàn, hiệu quả, đúng quy định.

### 5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

#### ► Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của ban điều hành và kiểm soát viên là 8.265.558.670 đồng (Tám tỉ hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

#### ► Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

ACBS tuân thủ các quy định liên quan đến quản trị công ty trong năm 2022.

## PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 6.1. Ý kiến kiểm toán

Đã đề cập chi tiết trong báo cáo tài chính

### 6.2. Báo cáo tài chính





**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	0302030508	ngày 29 tháng 6 năm 2000
<b>Đăng ký Kinh doanh số</b>	0302030508	ngày 17 tháng 11 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Giấy phép Thành lập và Hoạt động số</b>	06/GPHĐKD	ngày 29 tháng 6 năm 2000
	56/2001/UBCK-QLKD	ngày 21 tháng 9 năm 2001
	71/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	77/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 1 tháng 10 năm 2007
	105/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 14 tháng 1 năm 2008
	464/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 7 năm 2008
	150/UBCK-GP	ngày 4 tháng 9 năm 2008
	271/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2009
	115/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 10 năm 2012
	13/GPĐC-UBCK	ngày 13 tháng 6 năm 2014
	18/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 8 năm 2014
	26/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 7 năm 2017
	45/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 6 năm 2021
	63/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 8 năm 2022
101/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 10 năm 2022	

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

<b>Hội đồng Thành viên</b>	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch (từ ngày 30 tháng 6 năm 2022)
	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch (từ ngày 30 tháng 6 năm 2022)
		Chủ tịch (đến ngày 29 tháng 6 năm 2022)
	Ông Nguyễn Thành Long	Thành viên
	Ông Huỳnh Duy Sang	Thành viên
	Bà Nguyễn Ngọc Như Uyên	Thành viên (đến ngày 9 tháng 10 năm 2022)



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Đức Hoàn Ông Hoàng Công Nguyên Vũ Ông Trịnh Thanh Cần Ông Huỳnh Duy Sang	Tổng Giám đốc (từ ngày 22 tháng 6 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 3 tháng 10 năm 2022) Tổng Giám đốc (đến ngày 7 tháng 4 năm 2022) Giám đốc Tài chính (đến ngày 11 tháng 1 năm 2023)
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Đỗ Minh Toàn Ông Nguyễn Đức Thái Hân	Chủ tịch Hội đồng thành viên (từ ngày 23 tháng 8 năm 2022) Chủ tịch Hội đồng thành viên (đến ngày 22 tháng 8 năm 2022)
<b>Trụ sở đăng ký</b>		
<b>Trụ sở chính</b>	Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, Số 117 Nguyễn Đình Chiểu Phường Võ Thị Sáu, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
<b>Chi nhánh Chợ lớn</b>	321 - 323 Trần Phú Phường 8, Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
<b>Chi nhánh Trương Định</b>	107N Trương Định Phường Võ Thị Sáu, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
<b>Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai</b>	442 Nguyễn Thị Minh Khai Phường 5, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
<b>Chi nhánh Cách Mạng Tháng 8</b>	197A-197B-197C-197/1 Cách Mạng Tháng Tám Phường 4, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi</b>	Lầu 2, Lầu 3 số 41 Mạc Đĩnh Chi Phường Đa Kao, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
<b>Chi nhánh Hà Nội</b>	10 Phan Chu Trinh Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm Thành phố Hà Nội Việt Nam
<b>Chi nhánh Hải Phòng</b>	15 Hoàng Diệu Phường Minh Khai, quận Hồng Bàng Thành phố Hải Phòng Việt Nam
<b>Chi nhánh Đà Nẵng</b>	218 Bạch Đằng Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng Việt Nam
<b>Chi nhánh Khánh Hòa</b>	80 Quang Trung Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam
<b>Chi nhánh Vũng Tàu</b>	111 Hoàng Hoa Thám Phường 2, Thành phố Vũng Tàu Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Việt Nam
<b>Chi nhánh Cần Thơ</b>	17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Phường Tân An, Quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ Việt Nam
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là “ACBS”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của ACBS tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của ACBS cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng ACBS sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2023



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi Chủ sở hữu Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con (“gọi chung là ACBS”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 2 năm 2023, được trình bày từ trang 7 đến trang 65.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 34 của báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất, trong đó có đề cập đến việc thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được điều chỉnh lại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề này.

## **Vấn đề khác**

### **Thông tin so sánh**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 34 của báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 24 tháng 2 năm 2022.

Như một phần của công việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 34 được áp dụng để điều chỉnh lại thông tin so sánh. Chúng tôi đã không thực hiện thủ tục kiểm toán, soát xét hay bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngoài các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 34. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay bất kỳ hình thức đảm bảo nào đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó xét trên phương diện tổng thể. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 34 là phù hợp và đã được áp dụng một cách phù hợp.

## **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam  
Báo cáo Kiểm toán số: 22-01-00341-23-2



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0339-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2023

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B01 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC

ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>		<b>5.458.789.423.911</b>	<b>7.517.383.009.494</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính (“TSTC”)</b>		<b>5.426.933.077.458</b>	<b>7.504.126.167.610</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		576.035.296.481	380.307.579.547
1.1	Tiền		151.035.296.481	125.307.579.547
1.2	Các khoản tương đương tiền		425.000.000.000	255.000.000.000
2	Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)		488.694.834.569	715.769.698.944
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.361.393.479.452	1.677.759.480.691
4	Các khoản cho vay		2.047.936.817.727	4.749.378.943.227
5	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính		(116.201.756.693)	(116.201.087.728)
6	Các khoản phải thu		49.997.396.970	80.503.098.918
6.1	Phải thu từ bán tài sản tài chính		543.937.000	34.200.561.000
6.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC		49.453.459.970	46.302.537.918
6.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		50.000	50.000
6.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		49.453.409.970	46.302.487.918
7	Trả trước cho người bán ngắn hạn		16.253.263.672	8.819.047.078
8	Phải thu các dịch vụ cung cấp		3.451.220.747	8.120.733.981
9	Các khoản phải thu khác		671.617.513	972.545.732
10	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		(1.299.092.980)	(1.303.872.780)
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>31.856.346.453</b>	<b>13.256.841.884</b>
1	Tạm ứng		295.789.728	117.200.140
2	Chi phí trả trước ngắn hạn		5.520.253.311	5.126.107.138
3	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		44.000.000	-
4	Thuế GTGT được khấu trừ		926.623.643	1.029.505.141
5	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		18.108.548.213	-
6	Tài sản ngắn hạn khác		6.961.131.558	6.984.029.465

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B01 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250)</b>	<b>200</b>		<b>190.799.517.826</b>	<b>90.505.529.539</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>61.920.280.000</b>	<b>-</b>
1 Các khoản đầu tư	212	14	61.920.280.000	-
1.2 Đầu tư khác	212.4		61.920.280.000	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>75.798.879.992</b>	<b>45.092.121.228</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	15	63.614.354.151	38.716.857.889
<i>Nguyên giá</i>	222		140.690.048.053	109.853.894.672
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223a		(77.075.693.902)	(71.137.036.783)
2 Tài sản cố định vô hình	227	16	12.184.525.841	6.375.263.339
<i>Nguyên giá</i>	228		56.769.643.611	47.998.410.182
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229a		(44.585.117.770)	(41.623.146.843)
<b>III Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>	<b>17</b>	<b>2.030.640.000</b>	<b>2.553.768.000</b>
<b>IV Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>51.049.717.834</b>	<b>42.859.640.311</b>
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		6.937.962.100	6.930.962.100
2 Chi phí trả trước dài hạn	252		9.099.092.677	910.938.157
3 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	18(a)	20.000.000.000	20.000.000.000
4 Tài sản dài hạn khác	255	18(b)	15.012.663.057	15.017.740.054
4.1 Tiền nộp Quỹ Bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh	255.1		15.012.663.057	15.017.740.054
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>5.649.588.941.737</b>	<b>7.607.888.539.033</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND (Phân loại lại)
<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>	<b>1.477.325.885.489</b>	<b>3.513.557.691.971</b>
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>1.477.312.885.489</b>	<b>3.513.544.691.971</b>
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	19	1.342.964.000.000
1.1	Vay ngắn hạn	312		1.342.964.000.000
2	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	20	-
3	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	21	38.909.146.263
4	Phải trả người bán	320	22	4.061.971.429
5	Người mua trả trước ngắn hạn	321		187.000.000
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	23	16.745.278.519
7	Phải trả người lao động	323		29.474.369.763
8	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		165.264.179
9	Chi phí phải trả	325	24	43.626.730.207
10	Các khoản phải trả khác	329		1.179.125.129
<b>II.</b>	<b>Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>	<b>13.000.000</b>	<b>13.000.000</b>
1	Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		13.000.000
<b>D</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>	<b>4.172.263.056.248</b>	<b>4.094.330.847.062</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.172.263.056.248</b>	<b>4.094.330.847.062</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	25	3.000.000.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		3.000.000.000.000
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		147.729.332.606
3	Quỹ dự phòng tài chính	415		168.979.231.821
4	Lợi nhuận chưa phân phối	417		855.554.491.821
4.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		1.047.234.722.488
4.2	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(191.680.230.667)
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>5.649.588.941.737</b>	<b>7.607.888.539.033</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B01 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY</b>				
2		Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (Số lượng)		
	002	26(a)	4.050.094	4.050.094
8		TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty		
	008	26(b)	316.564.246.000	259.035.271.000
9		TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty		
	009		1.920.000	2.510.000
10		TSTC chờ về của Công ty		
	010	26(c)	2.330.993.000	4.422.296.000
12		TSTC chưa lưu ký tại VSD		
	012		1.750.000	1.750.000
14		Chứng quyền (Số lượng)		
	014		25.937.400	20.956.400

**TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG**

1		TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng		
	021		28.923.832.607.800	26.550.075.656.000
		<i>a. TSTC giao dịch tự do chuyên nhượng</i>		
	021.1		26.444.658.167.800	23.596.691.986.000
		<i>b. TSTC hạn chế chuyên nhượng</i>		
	021.2		104.382.900.000	68.170.730.000
		<i>c. TSTC giao dịch cầm cố</i>		
	021.3		1.471.240.760.000	1.706.119.700.000
		<i>d. TSTC phong tỏa</i>		
	021.4		724.029.060.000	663.922.230.000
		<i>e. TSTC chờ thanh toán</i>		
	021.5		179.521.720.000	515.171.010.000
2		TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng		
	022		202.539.360.000	195.347.880.000
		<i>a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyên nhượng</i>		
	022.1		171.305.060.000	161.567.730.000
		<i>b. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyên nhượng</i>		
	022.2		31.234.300.000	33.780.150.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B01 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

3	TSTC chờ về của Nhà đầu tư	023	176.002.526.000	559.499.108.000
5	TSTC chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024b	36.639.045.790.000	26.821.637.190.000
7	Tiền gửi của khách hàng	026	596.123.819.659	1.430.552.012.413
7.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	486.213.228.742	765.945.020.908
7.1.1	Tiền gửi ký quỹ phái sinh của nhà đầu tư tại VSD	027.1	34.346.320.080	91.525.980.295
7.2	Tiền tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	72.813.399.820	560.495.651.000
7.4	Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030	2.750.871.017	12.585.360.210

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Mã số	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND	
8	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	520.559.548.822	857.471.001.203
8.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	520.559.539.271	857.470.992.364
8.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	9.551	8.839
9	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	032	4.047.299	10.333.565.299
12	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	2.746.823.718	2.251.794.911

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Người lập:


Bà Phạm Thị Sanh  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:


Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởngÔng Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B02 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>I DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1	01		443.379.165.999	729.766.522.950
		<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	01.1	27(a)	207.062.037.140	358.445.166.481
		<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	01.2	27(b)	308.568.822.183	248.617.209.360
		<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	01.3	27(c)	23.188.611.184	30.266.444.409
		<i>d. Chênh lệch giảm đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành</i>		
	01.4	27(b)	(95.440.304.508)	92.437.702.700
1.2	02	27(c)	85.999.190.056	61.185.064.101
1.3	03	27(c)	354.037.522.300	342.368.942.982
1.6	06	27(d)	498.213.087.255	569.915.888.219
1.9	09	27(d)	7.455.318.107	9.008.180.416
1.10	10	27(d)	1.975.537.273	1.285.340.000
1.11	11	27(d)	1.610.726.000	781.532.894
	<b>20</b>		<b>1.392.670.546.990</b>	<b>1.714.311.471.562</b>
<b>II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1	21		720.382.580.823	408.960.453.497
		<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	21.1	27(a)	346.868.169.335	140.532.522.659
		<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		
	21.2	27(b)	507.834.189.788	129.752.650.238
		<i>c. Chi phí giao dịch mua các TSTC theo FVTPL</i>		
	21.3		36.277.200	151.532.700
		<i>d. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành</i>		
	21.4	27(b)	(134.356.055.500)	138.523.747.900
2.4	24	28	180.477.543.160	186.976.334.742
2.6	26		12.506.176.770	8.597.010.051
2.7	27	29	249.435.131.781	347.770.252.611
2.10	30		10.870.471.852	10.731.236.236
2.11	31		3.744.894.161	2.548.338.358
2.12	32		480.171.543	107.807.567
	<b>40</b>		<b>1.177.896.970.090</b>	<b>965.691.433.062</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B02 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>III DOANH THU TÀI CHÍNH</b>				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		147.157.965	18.336.523
3.2 Lãi tiền gửi không kỳ hạn	42		2.907.381.538	2.626.396.415
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>3.054.539.503</b>	<b>2.644.732.938</b>
<b>IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		93.205.459	17.941.656
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>		<b>93.205.459</b>	<b>17.941.656</b>
<b>V CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		<b>4.723.835.264</b>	<b>3.166.214.918</b>
<b>VI CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	<b>62</b>	<b>30</b>	<b>117.830.414.306</b>	<b>80.732.808.199</b>
<b>VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b> (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 61 - 62)	<b>70</b>		<b>95.180.661.374</b>	<b>667.347.806.665</b>
<b>VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1 Thu nhập khác	71		3.059.615.943	3.713.201.785
8.2 Chi phí khác	72		479.015.863	29.333.886
<b>Kết quả hoạt động khác</b> (80 = 71 - 72)	<b>80</b>		<b>2.580.600.080</b>	<b>3.683.867.899</b>
<b>IX TÓNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b> (MANG SANG TRANG SAU)	<b>90</b>		<b>97.761.261.454</b>	<b>671.031.674.564</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
(tiếp theo)

**Mẫu B02 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (MANG TỪ TRANG TRƯỚC SANG)</b>	<b>90</b>		<b>97.761.261.454</b>	<b>671.031.674.564</b>
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		258.110.878.067	598.253.160.642
9.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	92		(160.349.616.613)	72.778.513.922
<b>X CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>19.829.052.268</b>	<b>129.761.974.734</b>
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	31	19.829.052.268	129.761.974.734
<b>XI LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 – 100)</b>	<b>200</b>		<b>77.932.209.186</b>	<b>541.269.699.830</b>
<b>XII THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>			

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B03 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1 Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>01</b>	<b>97.761.261.454</b>	<b>671.031.674.564</b>
<b>2 Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>02</b>	<b>73.596.692.133</b>	<b>(231.584.116.337)</b>
Khấu hao và phân bổ	03	14.649.649.056	11.400.249.391
Các khoản dự phòng	04	(4.110.835)	4.705.915
Chi phí lãi	06	168.412.291.516	185.819.220.074
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(86.272.526.420)	(61.326.882.283)
Dự thu tiền lãi	08	(23.188.611.184)	(367.481.409.434)
<b>3 Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>	<b>373.478.134.288</b>	<b>268.276.398.138</b>
Lỗ từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	373.478.134.288	268.276.398.138
<b>4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>	<b>(213.128.517.675)</b>	<b>(341.054.912.060)</b>
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(213.128.517.675)	(341.054.912.060)
<b>5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động</b>	<b>30</b>	<b>1.810.084.840.190</b>	<b>(2.938.799.188.740)</b>
Giảm/(tăng) các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	27.809.496.770	(451.755.182.678)
Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(683.633.998.761)	(637.999.206.718)
Giảm/(tăng) các khoản cho vay	33	2.701.442.125.500	(2.099.122.520.420)
Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	(61.920.280.000)	-
Giảm/(tăng) phải thu từ bán tài sản tài chính	35	33.656.624.000	(27.576.960.000)
Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36	106.036.879.188	419.366.517.609
Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ	37	4.669.513.234	(3.414.139.323)
Giảm các khoản phải thu khác	39	300.928.219	111.825.924
Tăng các tài sản khác	40	(98.733.186)	(13.080.608.223)
(Giảm)/tăng chi phí phải trả	41	(6.453.170.722)	8.856.638.915
Tăng chi phí trả trước	42	(5.131.550.693)	(1.471.480.061)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(73.475.005.819)	(114.299.161.503)
Tiền lãi đã trả	44	(185.192.873.788)	(138.751.432.405)
(Giảm)/tăng phải trả người bán	45	(10.984.814.205)	3.645.823.973
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi cho nhân viên	46	8.779.000	405.000
(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	(10.421.248.740)	13.162.923.434
(Giảm)/tăng phải trả người lao động	48	(14.915.431.059)	32.852.356.765
(Giảm)/tăng phải trả khác	50	(11.612.398.748)	70.675.010.971
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>	<b>2.141.792.410.390</b>	<b>(2.572.130.144.435)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B03 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(48.284.029.820)	(4.908.187.780)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	62	273.336.364	141.818.182
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>	<b>(48.010.693.456)</b>	<b>(4.766.369.598)</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ góp vốn	71	-	1.500.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	7.489.405.000.000	11.364.594.000.000
<i>Tiền vay gốc khác</i>	<i>73.2</i>	<i>7.489.405.000.000</i>	<i>11.364.594.000.000</i>
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(9.387.459.000.000)	(10.136.226.000.000)
<i>Tiền chi trả nợ gốc vay khác</i>	<i>74.3</i>	<i>(9.387.459.000.000)</i>	<i>(10.136.226.000.000)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>	<b>(1.898.054.000.000)</b>	<b>2.728.368.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)</b>	<b>90</b>	<b>195.727.716.934</b>	<b>151.471.485.967</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>380.307.579.547</b>	<b>228.836.093.580</b>
▪ <i>Tiền gửi ngân hàng đầu năm</i>	<i>101.1</i>	<i>125.307.579.547</i>	<i>226.085.082.895</i>
▪ <i>Các khoản tương đương tiền đầu năm</i>	<i>101.2</i>	<i>255.000.000.000</i>	<i>2.751.010.685</i>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)</b>	<b>103</b>	<b>576.035.296.481</b>	<b>380.307.579.547</b>
▪ <i>Tiền gửi ngân hàng cuối năm</i>	<i>103.1</i>	<i>151.035.296.481</i>	<i>125.307.579.547</i>
▪ <i>Các khoản tương đương tiền cuối năm</i>	<i>103.2</i>	<i>425.000.000.000</i>	<i>255.000.000.000</i>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B03 – CTCK//HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Mã số</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	109.279.010.026.870	220.498.178.982.911
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(109.766.692.278.050)	(220.163.460.763.811)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	112.008.593.316.963	222.023.000.232.079
<i>(Chi)/nhận tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD</i>	07.1	(57.179.660.215)	65.414.441.639
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(112.288.325.109.129)	(221.977.057.041.351)
Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	4.821.553.975.174	9.947.675.943.461
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(4.831.388.464.367)	(10.005.906.055.836)
		<hr/>	<hr/>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>	<b>(834.428.192.754)</b>	<b>387.845.739.092</b>
		<hr/>	<hr/>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>	<b>1.430.552.012.413</b>	<b>1.042.706.273.321</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	1.430.552.012.413	1.042.706.273.321
▪ <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	32	857.471.001.203	746.113.368.836
▪ <i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>	33	560.495.651.000	225.777.431.900
▪ <i>Tiền gửi của các tổ chức phát hành</i>	35	12.585.360.210	70.815.472.585
		<hr/>	<hr/>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>596.123.819.659</b>	<b>1.430.552.012.413</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B03 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	596.123.819.659	1.430.552.012.413
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	520.559.548.822	857.471.001.203
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	72.813.399.820	560.495.651.000
▪ Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	2.750.871.017	12.585.360.210

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B04 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2021		Biến động trong năm kết thúc ngày 31/12/2021		Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2021		Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2022	
	VND	VND (Phân loại lại)	Tăng VND (Phân loại lại)	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND (Phân loại lại)	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.500.000.000.000	3.000.000.000.000	1.500.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Vốn góp	1.500.000.000.000	3.000.000.000.000	1.500.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	121.345.390.339	147.729.332.606	26.383.942.267	-	-	-	147.729.332.606	147.729.332.606
Quỹ dự phòng tài chính	142.595.289.554	168.979.231.821	26.383.942.267	-	-	-	168.979.231.821	168.979.231.821
Lợi nhuận chưa phân phối	289.785.082.565	777.622.282.635	487.837.200.070	-	285.562.755.399	(207.630.546.213)	777.622.282.635	855.554.491.821
Lợi nhuận đã thực hiện (Lợi/loss chưa thực hiện)	393.894.210.541	761.671.967.089	367.777.756.548	-	285.562.755.399	-	761.671.967.089	1.047.234.722.488
	(104.109.127.976)	15.950.315.546	120.059.443.522	-	-	(207.630.546.213)	15.950.315.546	(191.680.230.667)
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.053.725.762.458</b>	<b>4.094.330.847.062</b>	<b>2.040.605.084.604</b>	<b>-</b>	<b>285.562.755.399</b>	<b>(207.630.546.213)</b>	<b>4.094.330.847.062</b>	<b>4.172.263.056.248</b>

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



## **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Cơ sở thành lập**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 101/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 2022 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

##### **(b) Vốn chủ sở hữu của ACBS**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, vốn góp của ACBS là 3.000.000 triệu VND.

##### **(c) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của ACBS là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cho vay ký quỹ và lưu ký chứng khoán.

##### **(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của ACBS nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(e) Công ty con**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có một (1) công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (“ACBC”) được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

##### **(f) Số lượng nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, ACBS có 386 nhân viên (1/1/2022: 363 nhân viên).

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 23”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL và tài sản tài chính sẵn sàng để bán được đo lường theo giá trị hợp lý. Các phương pháp được sử dụng để xác định giá trị hợp lý được mô tả trong Thuyết minh 3(e). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của ACBS là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của ACBS là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**(e) Những thay đổi trong chính sách kế toán**

***Áp dụng Thông tư 114/2021/TT-BTC***

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC về việc bãi bỏ thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (“Thông tư 114”). Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 và áp dụng từ năm tài chính 2022. Theo đó, công ty chứng khoán áp dụng điều khoản chuyển tiếp để thực hiện các chính sách kế toán.

Áp dụng năm tài chính 2022, ACBS đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 114. Việc áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan đến Thông tư 114 và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của ACBS, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 3(r) trong báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Ngoại trừ việc thay đổi chính sách kế toán như mô tả trong Thuyết minh 2(e), các chính sách kế toán đã được áp dụng nhất quán cho tất cả các năm được trình bày trong báo cáo tài chính này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### ***Công ty con***

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### ***Mất quyền kiểm soát***

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, ACBS dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu ACBS vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

##### ***Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất***

Các giao dịch và số dư trong nội bộ ACBS và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của ACBS tại đơn vị nhận đầu tư.

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi ACBS thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

## **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của ACBS.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### **(d) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

##### **(i) Ghi nhận**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi ACBS trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

##### **(ii) Phân loại và đo lường**

- Các TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(f);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(g); và
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(h).
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(i).

ACBS phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ ngoại trừ khoản phải trả chứng quyền có đảm bảo được phân loại là nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

##### **(iii) Chấm dứt ghi nhận**

ACBS chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của ACBS đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi ACBS chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao.

ACBS chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

##### **(iv) Cấn trừ**

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi ACBS có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và ACBS có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.



## Công ty TNHH Chứng khoán ACB

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

#### (e) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, ACBS xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phân lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất năm.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên Thị trường Công ty Đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với ACBS. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, ACBS không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn bao gồm các công cụ phái sinh phải được thanh toán kèm theo các công cụ vốn đó được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

#### (i) Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

## **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có đảm bảo theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, ACBS ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá phát hành và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.

Chứng quyền được ghi nhận ban đầu theo giá phát hành sau đó cuối kỳ kế toán năm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại tài khoản “Phải trả chứng quyền”. Cuối kỳ kế toán năm, ACBS thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm hoặc tăng, chênh lệch sẽ được ghi nhận tương ứng vào thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL.

Lãi/(lỗ) tại ngày đáo hạn và mua lại chứng quyền được hạch toán vào lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

#### **(ii) *Hợp đồng tương lai***

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn của Công văn số 6190/BTC-CKDT do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2017, cụ thể như sau:

#### ***Giao dịch tự doanh***

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chi tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Hàng ngày, ACBS ghi nhận tăng hoặc giảm tiền và chênh lệch lãi/(lỗ) trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại chi tiêu “Lãi/(lỗ) bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL”. ACBS chấm dứt ghi nhận khi đóng vị thế hoặc đáo hạn hợp đồng tương lai.

#### ***Giao dịch môi giới***

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chi tiêu “Tài sản dài hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại chi tiêu “Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD”.



## Công ty TNHH Chứng khoán ACB

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

#### (f) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà ACBS có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được ACBS xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được ACBS xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng giảm giá được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là ACBS khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và ACBS không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi ACBS thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của ACBS và sự kiện này ACBS không thể dự đoán trước được.

#### (g) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai ngày giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

#### (h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

## Công ty TNHH Chứng khoán ACB

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng các tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

#### (i) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là tài sản tài chính phi phái sinh được chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- TSTC ghi nhận theo FVTPL;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

Vào cuối kỳ kế toán năm, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý, cách xác định giá trị hợp lý được trình bày tại Thuyết minh 3(e). Thay đổi về giá trị hợp lý của TSTC được ghi nhận là thu nhập toàn diện khác trong vốn chủ sở hữu. Khoản lỗ lũy kế sẽ được ghi nhận là chi phí ngay lập tức khi có bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị. Khi dừng ghi nhận một TSTC sẵn sàng để bán, số dư lãi hoặc lỗ đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

#### (j) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)



**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.

▪ Nhà cửa	25 năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
▪ Phương tiện vận tải	6 năm
▪ Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
▪ TSCĐ hữu hình khác	3 - 6 năm

**(k) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**(l) Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(n) Trái phiếu phát hành**

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(o) Dự phòng**

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại Thuyết minh 3(f) và 3(g), một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, ACBS có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào thu nhập toàn diện khác, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào thu nhập toàn diện khác.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(r) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

*Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022*

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận đã thực hiện như sau:

	<b>Trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

*Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022*

Thông tư 114 có hiệu lực từ 1 tháng 2 năm 2022 và do đó Thông tư 114 sẽ được áp dụng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, Công ty dùng trích lập các quỹ từ lợi nhuận đã thực hiện và xử lý số dư các quỹ đã trích lập trước đó như sau:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**(s) Doanh thu**

**(i) Lãi từ bán các TSTC**

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi ACBS nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của ACBS được xác lập. ACBS không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

**(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán**

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

**(iv) Doanh thu từ vận đầu tư tài chính**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

**(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(t) Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh. Chi phí lãi vay liên quan đến các khoản cho vay được ghi nhận ở chi tiêu “Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

**(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của ACBS nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi ACBS và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**(w) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của ACBS trong năm trước.

**(x) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.



## **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

#### **4. Các công cụ tài chính**

##### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

###### **(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà ACBS phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà ACBS có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình ACBS sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của ACBS như thế nào, và kiểm toán tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà ACBS gặp phải.

###### **(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của ACBS. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của ACBS. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của ACBS được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà ACBS gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của ACBS. ACBS, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

##### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của ACBS nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, ACBS ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của ACBS.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***Tài sản đảm bảo**

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. ACBS ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại ACBS. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của ACBS tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền:			
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	5	151.035.296.481	125.307.579.547
Các khoản tương đương tiền (i)	5	425.000.000.000	255.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	7(b)	2.361.393.479.452	1.677.759.480.691
Các khoản cho vay:			
Hợp đồng giao dịch ký quỹ (ii)	7(c)	1.979.945.476.320	4.494.324.570.919
Tạm ứng giao dịch chứng khoán (iii)	7(c)	67.991.341.407	255.054.372.308
Các khoản phải thu khác:			
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC (iv)		49.453.459.970	46.302.537.918
Phải thu thanh lý TSTC (iv)		543.937.000	34.200.561.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (iv)	11	3.451.220.747	8.120.733.981
Tài sản ngắn hạn khác	13	6.961.131.558	6.984.029.465
<b>Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng</b>		<b>5.045.775.342.935</b>	<b>6.903.053.865.829</b>

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của ACBS chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có bậc tín nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho ACBS.

## Công ty TNHH Chứng khoán ACB

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

#### (ii) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, tỷ lệ ký quỹ ban đầu không thấp hơn 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt bởi các cấp quản lý và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm tình hình hoạt động kinh doanh của công ty niêm yết, biến động giá và tính thanh khoản của cổ phiếu.

Bộ phận Nghiệp vụ Chứng khoán có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi khách hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp trong thời hạn theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một khách hàng là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính quá hạn và bị tổn thất như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ		
▪ Quá hạn từ 3 năm trở lên	116.201.992.743	116.201.941.678

#### (iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn hoặc chưa thu hồi mà bị suy giảm giá trị.

#### (iv) Các khoản phải thu khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.



## Công ty TNHH Chứng khoán ACB

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

#### (c) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà ACBS không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của ACBS là đảm bảo đến mức cao nhất có thể ACBS luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của ACBS.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và khoản thanh toán tiền lãi ước tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay ngắn hạn	1.342.964.000.000	2.741.018.000.000
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	500.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	38.909.146.263	81.461.308.834
Phải trả người bán	4.061.971.429	15.046.785.634
Chi phí phải trả	43.626.730.207	66.860.483.201
Các khoản phải trả khác	1.179.125.129	1.428.895.704
	<hr/>	<hr/>
	1.430.740.973.028	3.405.815.473.373

ACBS quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

ACBS cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với bên cho vay hiện tại.

#### (d) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của ACBS hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà ACBS nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

#### (i) **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

ACBS chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của ACBS, tức là VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, ACBS không có các số dư từ các giao dịch này.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của ACBS như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	576.035.296.481	380.307.579.547
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.361.393.479.452	1.677.759.480.691
Các khoản cho vay – thuần	1.931.735.061.034	4.633.177.855.499
Tài sản ngắn hạn khác	6.961.131.558	6.984.029.465
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay ngắn hạn	(1.342.964.000.000)	(2.741.018.000.000)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn		(500.000.000.000)

**(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do ACBS nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. ACBS quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu rủi ro về giá cổ phiếu của ACBS như sau:

	Giá trị hợp lý	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Các công cụ tài chính có rủi ro về giá cổ phiếu</b>		
Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL	488.686.617.868	715.764.379.353
▪ <i>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM</i>	360.969.986.368	489.043.037.353
▪ <i>Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền do Công ty phát hành</i>	127.716.631.500	221.835.600.000
▪ <i>Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức khác phát hành</i>	-	4.885.742.000
Nợ phải trả tài chính ghi nhận theo FVTPL	33.828.143.000	71.380.746.000
▪ <i>Phải trả chứng quyền có bảo đảm</i>	33.828.143.000	71.380.746.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 5% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, mức chênh lệch thuần đánh giá lại của tài sản tài chính của ACBS và nợ phải trả tài chính của Công ty lần lượt sẽ tăng/giảm 19.547 triệu VND và 1.353 triệu VND (1/1/2022: tăng/giảm 28.630 triệu VND và 2.855 triệu VND).

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	488.694.834.569	488.694.834.569	715.769.698.944	715.769.698.944
▪ Có phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	360.969.986.368	360.969.986.368	489.043.037.353	489.043.037.353
▪ Có phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	8.216.701	8.216.701	5.319.591	5.319.591
▪ Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	127.716.631.500	127.716.631.500	221.835.600.000	221.835.600.000
▪ Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức khác phát hành	-	-	4.885.742.000	4.885.742.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	576.035.296.481	576.035.296.481	380.307.579.547	380.307.579.547
▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	2.361.393.479.452	2.361.393.479.452	1.677.759.480.691	1.677.759.480.691
▪ Các khoản cho vay – thuần (i)	1.931.735.061.034	1.931.735.061.034	4.633.177.855.499	4.633.177.855.499
▪ Các khoản phải thu (i)	48.698.303.990	48.698.303.990	79.199.226.138	79.199.226.138
▪ Trả trước cho người bán (i)	16.253.263.672	16.253.263.672	8.819.047.078	8.819.047.078
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp (i)	3.451.220.747	3.451.220.747	8.120.733.981	8.120.733.981
▪ Các khoản phải thu khác (i)	671.617.513	671.617.513	972.545.732	972.545.732
▪ Tài sản ngắn hạn khác (i)	6.961.131.558	6.961.131.558	6.984.029.465	6.984.029.465
▪ Cổ, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	6.937.962.100	(*)	6.930.962.100	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	(*)	20.000.000.000	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	15.012.663.057	(*)	15.017.740.054	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Các khoản đầu tư	61.920.280.000	(*)	-	(*)



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	<b>31/12/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Giá trị hợp lý VND</b>
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ Phải trả chứng quyền có bảo đảm	(33.828.143.000)	(33.828.143.000)	(71.380.746.000)	(71.380.746.000)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn (i)	(1.342.964.000.000)	(1.342.964.000.000)	(2.741.018.000.000)	(2.741.018.000.000)
▪ Trái phiếu phát hành ngắn hạn (i)	-	-	(500.000.000.000)	(500.000.000.000)
▪ Phải trả cho các cơ sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký (i)	(5.081.003.263)	(5.081.003.263)	(10.080.562.834)	(10.080.562.834)
▪ Phải trả người bán (i)	(4.061.971.429)	(4.061.971.429)	(15.046.785.634)	(15.046.785.634)
▪ Chi phí phải trả (i)	(43.626.730.207)	(43.626.730.207)	(66.860.483.201)	(66.860.483.201)
▪ Các khoản phải trả khác (i)	(1.179.125.129)	(1.179.125.129)	(1.428.895.704)	(1.428.895.704)

(i) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này được xem như bằng với giá trị ghi sổ của chúng vì các tài sản và nợ phải trả này có kỳ hạn ngắn.

(\*) ACBS chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng	149.185.877.802	119.403.674.050
Tiền gửi bù trừ và thanh toán	1.849.418.679	5.903.905.497
Các khoản tương đương tiền (i)	425.000.000.000	255.000.000.000
	576.035.296.481	380.307.579.547

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng có lãi suất năm dao động từ 5,50% đến 6,00% (1/1/2022: từ 2,90% đến 3,00%).

**6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm**

	2022		2021	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
<b>a) Công ty</b>				
Cổ phiếu	518.102.893	6.372.842.577.790	256.636.492	5.797.957.439.100
Trái phiếu	21.140.000	2.189.401.190.000	89.400.000	9.221.595.790.000
Khác	3.076	424.376.290.000	14.266	1.882.295.980.000
<b>b) Nhà đầu tư/khách hàng</b>				
Cổ phiếu	9.635.729.282	219.052.501.468.860	14.124.895.453	326.193.889.071.300
Trái phiếu	1.500.000	154.328.500.000	533.390.000	55.516.993.185.391
Khác	408.838	50.059.499.410.000	435.212	59.221.229.760.000
	10.176.884.089	278.252.949.436.650	15.004.771.423	457.833.961.225.791

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**7. Tài sản tài chính**

**(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM</b>	<b>528.078.862.630</b>	<b>360.969.986.368</b>	<b>486.646.878.015</b>	<b>489.043.037.353</b>
BTS	96.516.948.816	45.751.305.600	101.555.812.800	83.880.034.000
HPG	46.473.553.626	42.198.156.000	28.235.994.003	28.254.862.400
TCB	38.729.904.613	30.632.508.500	51.844.609.314	51.513.200.000
POW	31.594.664.651	28.307.700.000	2.980.319	3.675.000
NLG	48.004.678.907	27.900.000.000	16.414.265	19.388.400
MWG	28.999.263.981	23.818.080.000	14.782.717.469	17.816.082.300
MBB	29.593.811.136	22.833.630.000	340.365.273	338.419.000
SSI	43.389.683.387	22.567.500.000	338.035.332	355.969.600
CTG	24.667.561.350	20.437.500.000	268.905.296	295.608.000
IDC	24.565.769.960	12.680.000.000	-	-
Khác	115.543.022.203	83.843.606.268	289.261.043.944	306.565.798.653
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch</b>	<b>7.770.909</b>	<b>8.216.701</b>	<b>4.888.673</b>	<b>5.319.591</b>
PME	2.163.000	2.163.000	2.163.000	2.163.000
TAC	1.778.400	1.824.000	-	-
VIS	924.000	1.023.000	-	-
Khác	2.905.509	3.206.701	2.725.673	3.156.591
<b>Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền</b>	<b>148.794.721.689</b>	<b>127.716.631.500</b>	<b>208.548.858.175</b>	<b>221.835.600.000</b>
HPG	39.972.526.846	36.295.200.000	-	-
TCB	25.214.752.711	19.943.016.500	82.452.063.122	81.925.000.000
MWG	18.960.253.648	15.572.700.000	43.187.721.998	52.049.700.000
MBB	19.379.037.263	14.952.240.000	-	-
FPT	10.695.154.790	9.766.300.000	-	-
VHM	11.655.509.991	9.652.800.000	35.594.032.375	35.194.400.000
MSN	7.008.953.171	6.500.700.000	28.195.322.054	33.071.400.000
VRE	6.264.879.493	5.920.130.000	19.119.718.626	19.595.100.000
POW	5.542.735.939	4.966.095.000	-	-
VNM	4.100.917.837	4.147.450.000	-	-
<b>Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức khác phát hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.490.227.135</b>	<b>4.885.742.000</b>
CTCB2109	-	-	3.960.500.000	2.086.920.000
CFPT2105	-	-	2.600.540.130	1.160.082.000
CMSN2011	-	-	2.929.187.005	1.638.740.000
	<b>676.881.355.228</b>	<b>488.694.834.569</b>	<b>704.690.851.998</b>	<b>715.769.698.944</b>



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	2.293.753.479.452	-	1.607.549.480.691	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – Chứng quyền (**)	67.640.000.000	-	70.210.000.000	-
	<b>2.361.393.479.452</b>	<b>-</b>	<b>1.677.759.480.691</b>	<b>-</b>

- (\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có thời hạn đáo hạn ban đầu từ 6 tháng đến 12 tháng bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất từ 4,80%/năm đến 9,50%/năm (1/1/2022: từ 3,70%/năm đến 5,10%/năm).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm 1.059.440 triệu VND (1/1/2022: 1.625.000 triệu VND) đã được dùng để cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

- (\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có đảm bảo do Công ty phát hành là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Ngân hàng”) có thời hạn đáo hạn từ 6 tháng đến 9 tháng bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất 6,0% năm đến 8,2%/năm. Công ty có quyền sử dụng số tiền trên tài khoản thực hiện các giao dịch tài khoản hợp pháp, hợp lệ; được thực hiện các giao dịch liên quan đến đồng sở hữu, ủy quyền liên quan đến tài khoản tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của Ngân hàng.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Các khoản cho vay**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	1.979.945.476.320	1.863.743.719.627	4.494.324.570.919	4.378.123.483.191
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho vay khách hàng	67.991.341.407	67.991.341.407	255.054.372.308	255.054.372.308
	<u>2.047.936.817.727</u>	<u>1.931.735.061.034</u>	<u>4.749.378.943.227</u>	<u>4.633.177.855.499</u>

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xem như bằng với giá trị ghi sổ của chúng vì các khoản cho vay này có kỳ hạn ngắn.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dự phòng suy giảm giá trị cho các khoản cho vay	116.201.992.743	116.201.756.693	116.201.941.678	116.201.087.728
<b>2022</b>	<b>Tại ngày 31/12/2022</b>		<b>Dự phòng trích lập trong năm</b>	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Dự phòng tại ngày 1/1/2022 VND
	116.201.992.743	236.050	116.201.756.693	116.201.087.728
				668.965
<b>2021</b>	<b>Tại ngày 31/12/2021</b>		<b>Dự phòng hoàn nhập trong năm</b>	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Dự phòng tại ngày 1/1/2021 VND
	116.201.941.678	853.950	116.201.087.728	116.201.161.613
				(73.885)



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***9. Các khoản phải thu**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	26.719.077.729	37.963.906.974
Phải thu bán chứng khoán niêm yết	543.937.000	34.200.561.000
Lãi dự thu từ ngân hàng mẹ	22.463.712.241	8.085.087.944
Khác	270.670.000	253.543.000
	<hr/>	<hr/>
	49.997.396.970	80.503.098.918

**10. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Sửa chữa và thiết kế văn phòng	10.939.756.900	559.811.700
Ứng trước tiền mua và sửa chữa hệ thống tin phần mềm	2.809.222.140	-
Ứng trước tiền mua thiết bị tin học	-	6.049.786.740
Khác	2.504.284.632	2.209.448.638
	<hr/>	<hr/>
	16.253.263.672	8.819.047.078

**11. Phải thu các dịch vụ cung cấp**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu môi giới chứng khoán	2.215.961.311	7.343.579.931
Phải thu hoạt động tư vấn	775.600.000	304.000.000
Khác	459.659.436	473.154.050
	<hr/>	<hr/>
	3.451.220.747	8.120.733.981

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí phần mềm	3.442.579.339	2.084.591.752
Chi phí thuê văn phòng	-	1.040.000.000
Chi phí khác	2.077.673.972	2.001.515.386
	5.520.253.311	5.126.107.138

**13. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	6.961.131.558	6.984.029.465

**14. Các khoản đầu tư**

	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2022			1/1/2022		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>							
Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam	10,20%	10.520.280.000	(*)	*	*	*	
Công ty cổ phần Bất động sản Hòa Phát - Á Châu	10,16%	51.400.000.000	(*)	-	-	-	

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, ACBS chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**15. Tài sản cố định hữu hình**

2022	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	4.838.053.139	4.919.438.800	35.339.784.135	2.310.884.203	109.853.894.672
Tăng trong năm	-	-	1.575.225.636	18.870.864.241	1.440.138.320	21.886.228.197
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	-	-	-	13.676.547.400	-	13.676.547.400
Thanh lý	-	-	(1.413.640.000)	-	-	(1.413.640.000)
Xóa sổ	-	(1.605.050.936)	-	(1.707.931.280)	-	(3.312.982.216)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	3.233.002.203	5.081.024.436	66.179.264.496	3.751.022.523	140.690.048.053
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	33.747.924.347	4.838.053.139	3.044.505.081	27.338.445.479	2.168.108.737	71.137.036.783
Khấu hao trong năm	2.497.829.376	-	599.417.805	7.489.441.236	78.590.918	10.665.279.335
Thanh lý	-	-	(1.413.640.000)	-	-	(1.413.640.000)
Xóa sổ	-	(1.605.050.936)	-	(1.707.931.280)	-	(3.312.982.216)
Số dư cuối năm	36.245.753.723	3.233.002.203	2.230.282.886	33.119.955.435	2.246.699.655	77.075.693.902
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	28.697.810.048	-	1.874.933.719	8.001.338.656	142.775.466	38.716.857.889
Số dư cuối năm	26.199.980.672	-	2.850.741.550	33.059.309.061	1.504.322.868	63.614.354.151



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**15. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

2021	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	4.974.506.319	4.455.305.400	30.349.948.384	2.310.884.203	104.536.378.701
Tăng trong năm	-	-	982.100.000	5.797.169.700	-	6.779.269.700
Thanh lý	-	(136.453.180)	(517.966.600)	(807.333.949)	-	(1.461.753.729)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	4.838.053.139	4.919.438.800	35.339.784.135	2.310.884.203	109.853.894.672
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	31.250.094.971	4.974.506.319	2.827.100.059	25.461.555.961	2.122.275.409	66.635.532.719
Khấu hao trong năm	2.497.829.376	-	735.371.622	2.684.223.467	45.833.328	5.963.257.793
Thanh lý	-	(136.453.180)	(517.966.600)	(807.333.949)	-	(1.461.753.729)
Số dư cuối năm	33.747.924.347	4.838.053.139	3.044.505.081	27.338.445.479	2.168.108.737	71.137.036.783
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	31.195.639.424	-	1.628.205.341	4.888.392.423	188.608.794	37.900.845.982
Số dư cuối năm	28.697.810.048	-	1.874.933.719	8.001.338.656	142.775.466	38.716.857.889

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 26.643 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2022: 29.214 triệu VND).

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

(tiếp theo)

**Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định vô hình**

<b>2022</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	47.800.410.182	198.000.000	47.998.410.182
Tăng trong năm	696,500,000	526,000,000	1,222,500,000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 17)	8,571,132,223	-	8,571,132,223
Xóa sổ	(1,022,398,794)	-	(1,022,398,794)
Số dư cuối năm	56,045,643,611	724,000,000	56,769,643,611
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	41.425.146.843	198.000.000	41.623.146.843
Khấu hao trong năm	3,832,625,996	151,743,725	3,984,369,721
Xóa sổ	(1,022,398,794)	-	(1,022,398,794)
Số dư cuối năm	44,235,374,045	349,743,725	44,585,117,770
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	6.375.263.339	-	6.375.263.339
Số dư cuối năm	11,810,269,566	374,256,275	12,184,525,841

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

2021	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	45.714.780.182	198.000.000	45.912.780.182
Tăng trong năm	2.085.630.000	-	2.085.630.000
Số dư cuối năm	47.800.410.182	198.000.000	47.998.410.182
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	35.988.155.245	198.000.000	36.186.155.245
Khấu hao trong năm	5.436.991.598	-	5.436.991.598
Số dư cuối năm	41.425.146.843	198.000.000	41.623.146.843
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	9.726.624.937	-	9.726.624.937
Số dư cuối năm	6.375.263.339	-	6.375.263.339

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 33.279 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2022: 31.850 triệu VND).

**17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.553.768.000	-
Tăng trong năm	25.175.301.623	2.553.768.000
Chuyển sang chi phí trả trước	(3.450.750.000)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 15)	(13.676.547.400)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 16)	(8.571.132.223)	-
Số dư cuối năm	2.030.640.000	2.553.768.000

Số dư xây dựng cơ bản dở dang thể hiện khoản chi phí phần mềm máy vi tính chưa được lắp đặt xong.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**18. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh**

**(a) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán**

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, ACBS phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2.500 triệu VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Lãi phát sinh	1.181.866.225	1.351.623.979
Lãi nhận được	(1.181.866.225)	(1.351.623.979)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

**(b) Tài sản dài hạn khác**

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, ACBS có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 1 tháng 1 năm 2022, ACBS đã nộp đủ mức đóng góp tối thiểu.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**19. Vay ngắn hạn**

	Số dư tại ngày 1/1/2022 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư tại ngày 31/12/2022 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (i)	975.000.000.000	3.530.000.000.000	(4.055.000.000.000)	450.000.000.000
Vay cá nhân (ii)	713.588.000.000	1.235.764.000.000	(1.151.388.000.000)	797.964.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	-	190.000.000.000	(95.000.000.000)	95.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	300.000.000.000	600.000.000.000	(900.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	270.000.000.000	490.000.000.000	(760.000.000.000)	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	226.430.000.000	113.580.000.000	(340.010.000.000)	-
Ngân hàng Maybank Việt Nam	150.000.000.000	300.000.000.000	(450.000.000.000)	-
Ngân hàng CTBC	-	-	-	-
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	106.000.000.000	553.061.000.000	(659.061.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	183.000.000.000	(183.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	-	294.000.000.000	(294.000.000.000)	-
	2.741.018.000.000	7.489.405.000.000	(8.887.459.000.000)	1.342.964.000.000

(i) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là khoản vay có hạn mức tín dụng là 1.200.000 triệu đồng, có hiệu lực rút vốn đến hết ngày 2 tháng 11 năm 2023 và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này có thời hạn vay là 12 tháng và được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu với giá trị là 500.000 triệu đồng.

(ii) Khoản vay với các cá nhân là khoản vay chịu lãi suất từ 7,10%/năm đến 8,20%/năm (1/1/2022: 5,90%/năm đến 7,50%/năm). Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này có thời hạn 1 năm và không áp dụng biện pháp bảo đảm tín dụng.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh khoản vay có hạn mức tín dụng là 350.000 triệu đồng, có hiệu lực rút vốn đến hết ngày 29 tháng 8 năm 2023 và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời điểm giải ngân. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này có thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này hiện nay không có tài sản bảo đảm.

**20. Trái phiếu phát hành ngắn hạn**

	1/1/2022 VND	Phát sinh trong năm VND	Số trả trong năm VND	31/12/2022 VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (i)	500.000.000.000	-	(500.000.000.000)	-

- (i) Đây là các trái phiếu ghi danh không đảm bảo và không chuyển đổi được phát hành riêng lẻ dưới hình thức chứng chỉ cho nhà đầu tư là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài. Các trái phiếu có mệnh giá là 1 tỷ đồng, kỳ hạn 1 năm kể từ ngày phát hành. Trái chủ có quyền yêu cầu ACBS mua lại trước ngày đáo hạn. Lãi suất trái phiếu áp dụng từ 7,40%/năm đến 7,80%/năm.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cho các cơ sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký	5.081.003.263	10.080.562.834
Phải trả chứng quyền có bảo đảm (*)	33.828.143.000	71.380.746.000
	<hr/>	<hr/>
	38.909.146.263	81.461.308.834
	<hr/>	<hr/>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lượng chứng quyền do ACBS phát hành như sau:

Mã chứng quyền	<b>31/12/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>Được phép phát hành</b>	<b>Được lưu hành</b>	<b>Được phép phát hành</b>	<b>Được lưu hành</b>
CHPG2225	9.000.000	8.411.500	-	-
CTCB2214	4.500.000	4.132.900	-	-
CMBB2213	4.500.000	3.847.800	-	-
CMSN2214	3.000.000	1.388.900	-	-
CMWG2213	9.000.000	7.767.600	-	-
CVNM2211	6.000.000	428.600	-	-
CVRE2219	4.500.000	1.686.800	-	-
CVHM2218	9.000.000	2.602.500	-	-
CFPT2212	8.000.000	1.810.600	-	-
CPOW2210	2.000.000	1.485.400	-	-
CMWG2104	-	-	5.000.000	2.500.600
CMSN2104	-	-	5.000.000	1.931.200
CTCB2105	-	-	15.000.000	10.606.500
CVRE2105	-	-	10.000.000	4.908.400
CVHM2115	-	-	15.000.000	9.096.900
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	59.500.000	33.562.600	50.000.000	29.043.600
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**22. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả mua các tài sản tài chính khác	3.485.548.000	12.676.681.000
Phải trả cho người bán khác	576.423.429	2.370.104.634
	<hr/>	<hr/>
	4.061.971.429	15.046.785.634
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**23. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước**

2022	1/1/2022 VND	Phải nộp VND	Đã trả VND	Cán trừ VND	31/12/2022 VND	Phải thu Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.715.856.394	19.829.052.268	(73.475.005.819)	-	18.108.548.213	178.451.056
Thuế thu nhập cá nhân	6.056.528.099	31.234.525.952	(34.665.353.447)	-	-	2.625.700.604
Thuế thu nhập nhà đầu tư	18.759.745.860	154.168.081.213	(161.941.993.927)	-	-	10.985.833.146
Thuế giá trị gia tăng	215.658.018	1.047.831.751	(585.911.177)	(362.719.689)	-	314.858.903
Các loại thuế khác	1.956.144.226	17.714.964.375	(17.030.673.791)	-	-	2.640.434.810
	62.703.932.597	223.994.455.559	(287.698.938.161)	(362.719.689)	18.108.548.213	16.745.278.519
<b>2021</b>						
Thuế thu nhập doanh nghiệp			20.156.995.447	129.858.022.450	(114.299.161.503)	35.715.856.394
Thuế thu nhập cá nhân			2.024.550.236	35.719.542.186	(31.687.564.323)	6.056.528.099
Thuế thu nhập nhà đầu tư			10.290.885.396	182.275.343.323	(173.806.482.859)	18.759.745.860
Thuế giá trị gia tăng			112.453.005	870.901.860	(767.696.847)	215.658.018
Các loại thuế khác			828.696.622	12.016.245.190	(10.888.797.586)	1.956.144.226
	33.413.580.706	360.740.055.009	(331.449.703.118)			62.703.932.597

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**24. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	40.588.562.107	57.369.144.379
Các chi phí khác	3.038.168.100	9.491.338.822
	<hr/>	<hr/>
	43.626.730.207	66.860.483.201
	<hr/>	<hr/>

**25. Vốn góp**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của ACBS là:

	<b>Vốn điều lệ được duyệt và đã góp</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	3.000.000.000.000	100%
	<hr/>	<hr/>

**26. Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất**

**(a) Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (Số lượng)**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
Cổ phiếu	3.850.094	3.850.094
Trái phiếu	200.000	200.000
	<hr/>	<hr/>
	4.050.094	4.050.094
	<hr/>	<hr/>



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**(b) TSTC niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của Công ty**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	315.528.532.000	247.546.127.000
TSTC chờ thanh toán	1.035.714.000	11.489.144.000
	<hr/>	<hr/>
	316.564.246.000	259.035.271.000
	<hr/>	<hr/>

**(c) TSTC chờ về của Công ty**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ phiếu	750.000.000	2.400.000.000
Chứng quyền	1.580.993.000	2.022.296.000
	<hr/>	<hr/>
	2.330.993.000	4.422.296.000
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

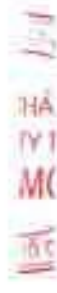
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**27. Doanh thu hoạt động**

**(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL**

2022	Số lượng	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm trước VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu	63.616.693	2.927.403.363.790	3.095.743.466.047	(168.340.102.257)	249.653.693.557
Trái phiếu	10.570.000	1.094.531.540.000	1.094.869.650.000	(338.110.000)	(4.627.230.000)
Chứng quyền do tổ chức khác phát hành	12.739.500	14.549.965.000	27.864.912.135	(13.314.947.135)	(27.157.065.433)
Chứng chỉ quỹ ETF					3.458.163.088
(Lỗ)/lãi bán chứng khoán cơ sở				(181.993.159.392)	221.327.561.212
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do tổ chức khác phát hành				2.514.053.100	38.680.872.060
Lãi/(lỗ) thuần vị thế từ nghiệp vụ tự doanh chứng khoán				826.250.000	(4.587.500.000)
phái sinh – hợp đồng tương lai				47.274.279.997	(46.931.235.250)
Lãi/(lỗ) khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				(8.427.555.900)	9.422.945.800
(Lỗ)/lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				(139.806.132.195)	217.912.643.822



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**27. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)**

**(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL (tiếp theo)**

2021	Số lượng	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND	Lãi từ bán chứng khoán năm trước VND
Cổ phiếu	52.935.792	2.415.472.905.114	2.165.819.211.557	249.653.693.557	23.703.323.436
Trái phiếu	44.700.000	4.608.484.280.000	4.613.111.510.000	(4.627.230.000)	(1.522.250.000)
Chứng quyền do tổ chức khác phát hành	24.397.250	87.902.172.000	115.059.237.433	(27.157.065.433)	2.834.898.768
Chứng chỉ quỹ ETF	3.441.300	77.598.684.000	74.140.520.912	3.458.163.088	1.092.558.712
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	-	(200.000.000)
Lãi bán chứng khoán cơ sở				221.327.561.212	25.908.530.916
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do tổ chức khác phát hành (Lỗ)/lãi thuần vị thế từ nghiệp vụ tự doanh chứng khoán phái sinh – hợp đồng tương lai				38.680.872.060	-
Lỗ khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				(4.587.500.000)	394.500.000
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				(46.931.235.250)	(15.138.593.300)
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				9.422.945.800	-
				<b>217.912.643.822</b>	<b>11.164.437.616</b>





**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**27. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)**

(b) **Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các TSTC và chứng quyền có đảm bảo**

	Giá gốc tại ngày 31/12/2022 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2022 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2022 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong năm VND
<b>TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	528.078.862.630	360.969.986.368	(167.108.876.262)	2.396.159.338	(169.505.035.600)
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	7.770.909	8.216.701	445.792	430.918	14.874
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	148.794.721.689	127.716.631.500	(21.078.090.189)	13.286.741.825	(34.364.832.014)
Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức khác phát hành	-	-	-	(4.604.485.135)	4.604.485.135
	676.881.355.228	488.694.834.569	(188.186.520.659)	11.078.846.946	(199.265.367.605)

	Giá gốc tại ngày 31/12/2022 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2022 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2022 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong năm VND
<b>Chứng quyền có bảo đảm</b>	30.334.432.992	33.828.143.000	(3.493.710.008)	(42.409.461.000)	38.915.750.992

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)**

**(b) Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các TSTC và chứng quyền có đảm bảo (tiếp theo)**

	<b>Giá gốc tại ngày 31/12/2021 VND</b>	<b>Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2021 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2021 VND</b>	<b>Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong năm VND</b>
<b>TSTC ghi nhận theo FVTPL</b>					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	486.646.878.015	489.043.037.353	2.396.159.338	(66.425.378.776)	68.821.538.114
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	4.888.673	5.319.591	430.918	(47.625.732.413)	47.626.163.331
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	208.548.858.175	221.835.600.000	13.286.741.825	3.500.874.693	9.785.867.132
Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức khác phát hành	9.490.227.135	4.885.742.000	(4.604.485.135)	2.316.375.232	(6.920.860.367)
Chứng chỉ quỹ ETF	-	-	-	448.149.088	(448.149.088)
	<b>704.690.851.998</b>	<b>715.769.698.944</b>	<b>11.078.846.946</b>	<b>(107.785.712.176)</b>	<b>118.864.559.122</b>
	<b>Giá gốc tại ngày 31/12/2021 VND</b>	<b>Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2021 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND</b>	<b>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2021 VND</b>	<b>Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong năm VND</b>
<b>Chứng quyền có bảo đảm</b>	<b>28.971.285.000</b>	<b>71.380.746.000</b>	<b>(42.409.461.000)</b>	<b>3.676.584.200</b>	<b>(46.086.045.200)</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)****(c) Cổ tức, thu nhập lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Từ TSTC ghi nhận theo FVTPL, nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.188.611.184	30.266.444.409
▪ Thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn	9.115.075.777	23.190.269.626
▪ Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	14.073.535.407	7.076.174.783
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	85.999.190.056	61.185.064.101
Từ các khoản cho vay và phải thu	354.037.522.300	342.368.942.982
▪ Thu nhập từ hoạt động ký quỹ	349.284.588.423	337.214.965.025
▪ Thu nhập từ dịch vụ ứng trước tiền bán	4.752.933.877	5.153.977.957
	<hr/>	<hr/>
	463.225.323.540	433.820.451.492
	<hr/>	<hr/>

**(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	498.213.087.255	569.915.888.219
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán	7.455.318.107	9.008.180.416
Doanh thu từ tư vấn tài chính	1.975.537.273	1.285.340.000
Thu nhập hoạt động khác	1.610.726.000	781.532.894
	<hr/>	<hr/>
	509.254.668.635	580.990.941.529
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng TSTC và tài sản thế chấp (Thuyết minh 8)	668.965	(73.885)
Chi phí đi vay	168.412.291.516	185.819.220.074
Chi phí khác	12.064.582.679	1.157.188.553
	<hr/>	<hr/>
	180.477.543.160	186.976.334.742
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí môi giới chứng khoán**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương cho nhân viên	127.128.607.174	190.500.398.837
Phí môi giới chứng khoán	60.524.837.273	90.949.704.257
Dịch vụ mua ngoài	23.061.918.760	19.832.532.503
Khấu hao tài sản cố định	10.861.402.111	7.974.363.207
Khác	27.858.366.463	38.513.253.807
	<hr/>	<hr/>
	249.435.131.781	347.770.252.611
	<hr/>	<hr/>

**30. Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương	78.845.957.229	58.709.720.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.864.857.688	13.540.565.471
Khấu hao tài sản cố định	3.569.500.065	3.405.952.468
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	4.230.000.204	1.756.723.690
Chi phí văn phòng phẩm	1.637.206.366	1.190.173.486
Chi phí khác	5.682.892.754	2.129.672.813
	<hr/>	<hr/>
	117.830.414.306	80.732.808.199
	<hr/>	<hr/>



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK/HN***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	97.761.261.454	671.031.674.564
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	19.552.252.291	131.541.870.301
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	2.944.110.000	-
Thu nhập không bị tính thuế	(2.814.707.081)	(1.785.762.345)
Chi phí không được khấu trừ thuế	95.820.285	-
Dự phòng thiếu các năm trước	51.576.773	5.866.778
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>19.829.052.268</b>	<b>129.761.974.734</b>

**(b) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và Công ty con là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

ACBS có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngân hàng TMCP Á Châu</b>		
Nhận vốn góp chủ sở hữu	-	1.500.000.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	36.619.232.666	16.398.157.769
Chi phí thuê văn phòng, điện nước phải trả	2.044.594.586	2.123.214.005
Doanh thu chuyển quyền sở hữu	-	77.251.454
Doanh thu hoạt động cho thuê	840.000.000	720.000.000
Doanh thu tư vấn	995.454.546	661.363.636
Doanh thu hoạt động môi giới	141.432.931.433	22.180.958.560
Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	51.400.000.000	-
Chi phí khác	102.292.806	297.683.484
<b>Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt</b>	<b>8.729.921.670</b>	<b>6.265.800.000</b>

ACBS có các số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngân hàng TMCP Á Châu</b>		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	146.694.248.405	116.037.319.191
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	1.414.439.780.822	305.800.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	350.000.000.000	180.000.000.000
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	22.463.712.241	8.085.087.944

**33. Các cam kết*****Cam kết thuê***

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	15.771.384.147	2.735.684.800
Từ hai đến năm năm	59.897.108.393	3.993.854.400
	<b>75.668.492.540</b>	<b>6.729.539.200</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTCK/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC*  
*ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*



### 34. Thông tin so sánh

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu liên quan đến việc phân loại lại chênh lệch đánh giá lại của chứng quyền do Công ty phát hành trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

#### (a) Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	<b>1/1/2022</b> <b>(phân loại</b> <b>lại)</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	761.671.967.089	808.952.896.689
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	15.950.315.546	(31.330.614.054)

#### (b) Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất

	<b>1/1/2022</b> <b>(phân loại</b> <b>lại)</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>trước đây)</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	761.671.967.089	808.952.896.689
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	15.950.315.546	(31.330.614.054)

Ngày 22 tháng 2 năm 2023

Người lập:

Bà Phạm Thị Sanh  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc

Số: 30.2/CV-ACBS.23

TP.HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2023

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

V/v Giải trình biến động lợi nhuận hợp nhất sau thuế Năm 2022 so với Năm 2021 trên 10%

Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") giải trình về chênh lệch lợi nhuận hợp nhất sau thuế Năm 2022 so với Năm 2021 trên 10% như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Báo cáo tài chính	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
Báo cáo tài chính hợp nhất	Lợi nhuận sau thuế	78	541	(463)

Lý do ảnh hưởng chủ yếu: Tình hình thị trường chứng khoán năm 2022 trải qua nhiều khó khăn, bất ổn đã tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của ACBS.

- Doanh thu hoạt động giảm với số tiền 321 tỷ đồng, trong đó: lãi từ hoạt động đầu tư giảm 260 tỷ đồng; doanh thu hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán giảm 73 tỷ đồng; lãi từ các khoản cho vay tăng 12 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm 2021.
- Chi phí hoạt động kinh doanh tăng 212 tỷ đồng. Biến động tăng này chủ yếu từ khoản lỗ từ hoạt động đầu tư tăng 316 tỷ đồng; chi phí hoạt động tư vấn tăng 1 tỷ đồng; chi phí nghiệp vụ môi giới giảm 98 tỷ đồng; chi phí đi vay của các khoản cho vay giảm 7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021.
- Chi phí quản lý tăng 39 tỷ đồng.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 109 tỷ đồng.

Như vậy, do ảnh hưởng trọng yếu của yếu tố nêu trên, lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2022 so với năm 2021 đã giảm 463 tỷ đồng. ACBS giải trình để Quý Cơ quan hữu quan được rõ.

Trân trọng

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Lưu P.HC và P.KT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN**  
**CHỨNG KHOÁN**  
**ACB**  
*Nguyễn Đức Hoàn*  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



# PHẦN 7

# KẾ HOẠCH 2023

## 7.1. TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG 2023



Nền kinh tế thế giới trong năm 2023 dự kiến sẽ có nhiều tín hiệu lạc quan trong 6 tháng cuối năm với lạm phát, lãi suất dự kiến sẽ dần hạ nhiệt, thúc đẩy tiêu dùng toàn cầu phục hồi. Đối với Việt Nam, đây cũng sẽ là tín hiệu tốt giúp cho các

hoạt động kinh tế, sản xuất, xuất nhập khẩu phát triển trong 6 tháng cuối năm. Đầu tư công dự kiến được đẩy mạnh sẽ thúc đẩy các ngành kinh tế trong nước, tạo việc làm, tạo dòng vốn và thúc đẩy tiêu dùng nội địa.

### Dự phóng GDP

Tăng trưởng GDP	2019	2020	2021	2022	2023F
<b>Việt Nam</b>	<b>7,0%</b>	<b>2,9%</b>	<b>2,6%</b>	<b>7,8%</b>	<b>6,5%</b>
<b>Bình quân</b>	<b>3,8%</b>	<b>-5,7%</b>	<b>4,3%</b>	<b>4,6%</b>	<b>4,1%</b>
Singapore	1,3%	-5,4%	8,0%	3,0%	2,3%
Thái Lan	2,3%	-6,1%	1,5%	2,8%	3,7%
Malaysia	4,3%	-5,6%	3,1%	5,4%	4,4%
Indonesia	5,0%	-2,1%	3,7%	5,3%	5,0%
Philippines	5,9%	-9,5%	5,7%	6,5%	5,0%

Nguồn: IMF, TCTK

Với kỳ vọng bức tranh sẽ tươi sáng hơn trong 6 tháng cuối năm, thị trường chứng khoán Việt Nam dự kiến sẽ đi trước sự đảo chiều của nền kinh tế với những đợt giải ngân sớm từ quý 2/2023 nhằm đón đầu những tín hiệu lạc quan đó. Chúng tôi ước tính chỉ số VN-Index năm 2023 sẽ đạt 1.217 điểm theo kịch bản cơ sở với mức tăng trưởng lợi nhuận là 12,8% và P/E là 11,3x. Kịch bản cơ sở này dựa trên hai giả định: khả năng phục hồi của ngành ngân hàng nhờ chất lượng tài sản và NIM duy trì ổn định và lạm phát năm 2023 trong tầm kiểm soát giúp

Chính phủ có nhiều dư địa hơn để xúc tiến đầu tư công, qua đó thúc đẩy các ngành liên quan như vật liệu xây dựng, logistics, khu công nghiệp... Vốn được bơm vào nền kinh tế thông qua chi tiêu công sẽ giải quyết vấn đề thanh khoản của hệ thống và giúp các doanh nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất, dễ dàng tiếp cận các khoản vay hơn. Theo đó, thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2023 trở nên hấp dẫn và sẽ thu hút thêm dòng vốn ngoại quay trở lại, đặc biệt khi định giá thị trường đang ở mức rất hấp dẫn, gần với đáy của 10 năm.



## 7.2.KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KHỐI BÁN LẺ

### Triển khai hoạt động hợp tác giới thiệu với Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB):

Khai thác sức mạnh hệ thống về thương hiệu và khách hàng từ Ngân hàng mẹ là ACB, ACBS nỗ lực đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện trong công tác giới thiệu sản phẩm dịch vụ chứng khoán, mở rộng quy mô hoạt động ra tất cả các Chi nhánh, Phòng Giao dịch ACB trên toàn quốc. Bên cạnh đó, ACBS cũng sẽ phối hợp cùng ACB phát triển khách hàng qua kênh số, cung cấp sản phẩm dịch vụ chứng khoán trên nền tảng ứng dụng di động ACB ONE.

### Hoàn thiện đội ngũ Môi giới và nâng cao chất lượng tư vấn, chăm sóc khách hàng:

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của năm 2023 của ACBS là hoàn tất việc cải tổ đội ngũ Môi giới để làm tiền đề cho chiến lược phát triển giai đoạn 2023 – 2025. Đội ngũ Môi giới sẽ được sàng lọc, sắp xếp lại. Đồng thời, để nâng cao chất lượng đội ngũ, ACBS sẽ xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ dành cho Môi giới.

### Các hoạt động được triển khai nhằm hỗ trợ và thúc đẩy Môi giới trong việc phát triển, chăm sóc khách hàng:

- ▶ Quy định chuẩn nguyên tắc chăm sóc khách hàng, yêu cầu Môi giới phải đảm bảo tần suất tương tác với khách hàng, chất lượng phục vụ;
- ▶ Xây dựng các hệ thống, chương trình phần mềm quản lý khách hàng và hoạt động chăm sóc khách hàng;
- ▶ Phát triển kênh tư vấn, chăm sóc khách hàng trực tuyến;
- ▶ Tổ chức các chương trình thi đua định kỳ thúc đẩy việc chăm sóc và phát triển khách hàng.







### **Không ngừng cải tiến sản phẩm, dịch vụ:**

Trong năm 2023, ACBS tiếp tục thực hiện cải tiến các kênh giao dịch trực tuyến, cụ thể:

\_ Giới thiệu trang giao dịch trực tuyến (web trading) mới, tích hợp giữa bảng giá, thông tin thị trường, phân tích cổ phiếu và các chức năng giao dịch;

\_ Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng giao dịch chứng khoán (app), bổ sung thêm các tính năng, tiện ích. Ngoài ra, một số sản phẩm dịch vụ mới cũng sẽ được triển khai

như chuyển tiền qua tài khoản định danh, giao dịch chứng chỉ quỹ mở. ACBS tiếp tục nghiên cứu, thiết kế các gói sản phẩm với chính sách giá linh hoạt phù hợp nhu cầu và hành vi của từng nhóm đối tượng khách hàng, từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng khác biệt trên thị trường.

### **7.3.KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THEO XU THẾ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

### **TRONG 2023**

Theo xu hướng của năm 2023, chúng tôi sẽ nghiên cứu để áp dụng công nghệ tiên tiến để tăng tương tác, trải nghiệm khách hàng như AI chatbot, features add-on, feedback instantly, v.v.

Nhằm tăng sự yên tâm cho khách hàng khi giao dịch chứng khoán, ACBS luôn quan tâm nghiêm túc đến vấn đề bảo mật. Cụ thể trong năm nay, ACBS sẽ tiếp tục thực hiện hàng loạt những đợt kiểm tra (pen test)

để phát hiện và khắc phục từ sớm những vấn đề dù là nhỏ nhất.

Cùng với phương châm "Lấy khách hàng làm trọng tâm" ACBS sẽ đầu tư xây dựng Data Warehouse, chuẩn hoá nền tảng dữ liệu khách hàng (Customer Data Platform - CDP) tạo tiền đề cho việc khai thác dữ liệu để giúp chúng tôi hiểu rõ Khách hàng hơn, từ đó có thể cung cấp những sản phẩm dịch vụ phù hợp nhất với từng đối tượng.